

Toàn Dân Vận Động Cho Dân Chủ

Thưa các bạn,

Cuốn băng (*) mà các bạn sắp nghe đây nhằm đáp ứng tình thế đầy biến động hiện nay tại nước ta. Chúng tôi gửi đến các bạn cuốn băng này vì được biết các bạn vẫn thường xuyên trăn trở, thao thức trước tình thế đầy bế tắc hiện nay, đồng thời chúng tôi cũng tin chắc rằng các bạn cũng đang ấp ủ hoài bão muốn góp phần vào công cuộc cấp bách chung hiện nay của toàn dân. Mong rằng những gì chúng tôi sắp trình bày dưới đây sẽ bắc được một nhịp cầu cảm thông để tạo sự đồng tâm nhất chí chung giữa tất cả chúng ta.

Thưa các bạn,

Nhân loại đang bước vào thập niên cuối cùng của thế kỷ XX. Toàn thế giới đang có những biến chuyển dồn dập để mở ra một thời đại mới. Trong khi đó đất nước ta vẫn chìm đắm trong cảnh nghèo nàn lạc hậu, độc đoán giáo điều và bế tắc.

Thực trạng ấy tất phải thôi thúc mỗi người dân Việt Nam có những suy nghĩ mới và hành động mới để tìm đường thoát cho tình thế bế tắc chung hiện nay. Đặc biệt hơn ai hết, những người cộng sản phải có trách nhiệm trong việc tìm lời giải đáp cho vấn đề Việt Nam hiện nay.

Nhưng trước hết chúng ta cần có lập trường và thái độ thích nghi. Không thể tìm một giải pháp đúng đắn bằng xung động tình cảm dù xung động tình cảm là chất men cần thiết cho hành động. Bản thân hành động phải đặt cơ sở trên những phân tích tình thế một cách khách quan và có biện chứng. Và tình hình Việt Nam luôn có quan hệ mật thiết với tình hình khu vực và thế giới. Cho nên cùng nhau phân tích thực chất của tình hình thế giới là việc cần thiết đầu tiên. Chỉ trong xu thế chung của nhân loại và thời đại chúng ta mới hy vọng tìm được giải pháp đúng đắn cho vấn đề riêng của nước ta. Đồng thời mọi thù hận, tranh chấp bè phái nhô nhen, mọi toan tính chính trị cơ hội đảng tranh, chỉ làm tình thế thêm rối ren. Chúng ta cần vượt lên trên mọi khác biệt ý hệ, chính kiến, mọi mặc cảm tự ti, tự tôn, độc tôn giáo điều dù cực tả hay cực hữu. Hãy chỉ vì sự thực, chỉ vì tự do hạnh

phúc của toàn dân. Tất cả những điều khác chỉ là phương tiện. Phương tiện nào không phản ánh được sự thực, chà đạp lên con người và làm quốc dân đói khổ phương tiện ấy phải bị thay thế, dù đó là phương tiện gì. Chúng tôi tạm gọi đó là lập trường dân tộc và tinh thần nhân bản.

Chúng ta chỉ có một nhãn quan, đó là nhãn quan thế giới và thời đại; một mục tiêu, đó là vì sự tự do tiến bộ của đất nước. Chúng tôi tin rằng đó phải là thế đứng chung của tất cả những người Việt yêu nước, cộng sản hay không cộng sản. Từ thế đứng chung đó chúng ta hãy cùng nhau phân tích tình hình thế giới và trong nước.

Phần I

Tình Hình Thế Giới

Điều trước tiên chúng tôi muốn trình bày là nhân loại và thế giới đang chuyển mình vào một thời đại mới, thời đại hoà bình ổn định và phát triển toàn cầu và toàn nhân loại.

Trở ngại lớn nhất cho sự ra đời thời đại mới đó là sự hiện hữu của thế giới lưỡng cực đối kháng tư bản-cộng sản. Do đó ý nghĩa nổi bật nhất trên suốt diễn biến thế giới trong vài thập niên qua là loại bỏ thế giới lưỡng cực đối kháng Yalta và thiết lập thế giới đa cực mới như là bước chuyển tiếp cần thiết cho thế giới cộng đồng quốc tế và nhân bản cho thế kỷ XXI.

Ngay trong thập niên 60 đã có hai diễn biến theo chiều hướng này. Đó là mâu thuẫn Nga-Hoa vào cuối thập niên 50 đầu thập niên 60, và sự hiện diện của vũ khí hạt nhân của Liên Xô ở Cuba vào năm 1962. Mâu thuẫn Nga-Hoa vừa cho thấy rạn nứt không thể hàn gắn được của cực tả trong thế giới lưỡng cực, vừa mở đường cho chính sách mới của phe Mỹ đối với Trung quốc. Còn sự kiện Cuba là dấu hiệu cảnh giác rằng thế chiến nguyên tử sẽ không thể tránh được nếu thế giới còn ở trong khuôn khổ lưỡng cực của mâu thuẫn Yalta. Trong thập niên 60, khối nhược tiểu quốc mới độc lập cũng chính thức xuất hiện ngày càng có ảnh hưởng mạnh mẽ tới bản cờ thế giới. Thực ra ngay từ 1950 Trung quốc và Ấn Độ đã toan tính thành lập khối trung lập, nhưng mâu thuẫn biên giới giữa hai nước này đã làm chậm lại sự hình thành khối chính trị quốc tế thứ ba. Dù sao Trung quốc cũng đi

đầu trong việc đưa ra mô hình ba thế giới với ý đồ đồng hóa Nga vào với đế quốc Mỹ trong thế giới thứ nhất và tự đặt mình vào thế giới thứ ba. Việc ra đời thế giới thứ ba cho thấy mô hình thế giới lưỡng cực không còn thích hợp nữa. Cả Mỹ lẫn Nga đều phải chuyển biến. Mỹ chuyển nhanh và sớm hơn nhờ cơ chế chính trị kinh tế tự do và mềm dẻo hơn. Còn ở Nga sau cố gắng ngăn ngừa không thành công của Khrushchev tâm thức và cơ chế chính trị kinh tế của Staline đã làm chậm lại cuộc cải cách cho đến tận thập niên 1980.

Ngoài ba sự kiện kể trên còn phải nói đến sự lớn dậy của Tây Âu và Nhật Bản. Chỉ ba thập niên sau đệ nhị thế chiến Nhật Bản và Tây Âu, nhất là Tây Đức đã nhanh chóng vươn lên thành hai trung tâm kinh tế hùng mạnh. Vừa thách thức quyền lực quốc tế của cả Nga lẫn Mỹ, vừa tạo điều kiện cụ thể cho sự ra đời thế giới đa cực. Kể từ thập niên 70 trở đi mọi vấn đề quan trọng trên thế giới không thể không có tiếng nói của hai trung tâm kinh tế mới này. Ngay từ tháng 7 năm 1971, Tổng Thống Mỹ Richard Nixon đã tiên liệu điều đó. Năm 1973 Kissinger đã cho rằng thế giới đang trở thành đa cực và ngoài năm nhóm quyền lực lớn nói trên nhiều trung tâm ảnh hưởng khác cũng đang hình thành. Ở đây Kissinger muốn nói đến các tổ chức hợp tác vùng. Từ cuối thập niên 70 trở đi những tiên liệu trên đã thành sự thực.

Trong bối cảnh của một thế giới đa cực đang ra đời đó chúng ta không lấy làm lạ rằng vào cuối thập niên 70 khi mà khối cộng sản thân Nga bành trướng mạnh nhất, khi mà học thuyết Brezhnev về thế giới lưỡng cực, với thế giới quan “ai thắng ai” vẫn chỉ đạo đường lối đối ngoại của Nga thì cũng là lúc Trung Cộng thẳng thừng gọi Nga là đế quốc xã hội chủ nghĩa và Tổng thống Mỹ Reagan công khai tố cáo Nga, Cuba và Việt Nam là ba trung tâm tội ác của thế giới. Trong khi đó Mỹ hình thành xong khối 7 nước giàu để chia xẻ trách nhiệm quốc tế với Mỹ, đồng thời một số tổ chức khu vực như ASEAN bước vào giai đoạn trưởng thành, góp phần tích cực vào việc ổn định và phát triển khu vực.

Riêng tại Âu Châu nơi đụng đầu trực tiếp giữa Nga-Mỹ tình hình đạt tới đỉnh cao căng thẳng nhất vào đầu thập niên 80, nhất là năm 1985, với sự tăng cường hỏa tiễn Pershing 2 và SS 20, cùng với chiến dịch tâm lý đe dọa thế chiến quyết liệt nhất của Mỹ. Trước sức ép mạnh mẽ và toàn diện đó, cộng với tình trạng tiền khủng hoảng trong nội bộ kinh tế xã hội Nga, sự xuất hiện của hiện tượng Gorbachov

cũng không phải là ngẫu nhiên; và những gì đang xảy ra ở Đông Âu và sẽ tiếp tục xảy ra ở những nước cộng sản khác cũng chỉ là những bước chuyển đổi tất yếu sang một thời đại mới.

Như thế là vào cuối thập niên 70, đầu 80, thế giới đa cực đã thật sự ra đời. Với thế giới quan mới này chúng ta sẽ hiểu ý nghĩa chân thực của các diễn biến có tính chiến thuật xảy ra khắp nơi trên thế giới, trong đó có cả các diễn biến trước và sau 30 tháng tư năm 1975 tại Việt Nam. Chúng ta sẽ trở lại tình hình Việt Nam trong phần thứ hai dưới đây. Ở đây chúng tôi muốn tiếp tục phân tích các nhân tố và hậu quả của sự ra đời của thế giới đa cực.

Trước hết về các nhân tố. Về vấn đề này có nhiều quan điểm khác nhau tùy góc độ đứng của mỗi người. Tuy thế, theo chúng tôi nghĩ, mọi quan điểm khác biệt cũng không thể đi ngoài nhận thức về tiến trình phát triển của nhân loại và thời đại. Tiến trình này có hai mặt tác động qua lại khăng khít là ý thức và kinh tế.

Về mặt ý thức, sự bùng nổ thông tin và kiến thức trong ba thập niên vừa qua tác động sâu rộng và mạnh mẽ vào đời sống nhân loại có lẽ còn hơn cả thế kỷ XIX lẫn nửa đầu thế kỷ XX cộng lại. Điều đáng chú ý nhất là sự bùng nổ kiến thức trong cả ba lãnh vực khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn đều đưa tới những nhận thức mới hết sức quan trọng về tự nhiên, thế giới và nhân loại. Những khám phá mới của các ngành khoa học tự nhiên, đặc biệt là khoa học vật lý lượng tử và vật lý học tinh thể đều vẽ lên một thế giới tự nhiên vô nguyên tương đối, vừa tương quan chặt chẽ lại vừa luôn diễn biến vô thường như không như có; vừa là năng lượng vừa là khối lượng, vừa là hạt vừa là sóng, vừa là vật chất vừa là đối vật chất. Trong khi đó những hiểu biết tinh vi hơn về con người và xã hội cho thấy vừa tính nhất thể của loài người, vừa tính đa dạng sinh động của đời sống xã hội con người. Nhận thức đó đã cho ra đời một nền toán học mới đặc biệt áp dụng vào chu trình tiến hóa xã hội, chuyển từ chương trình đơn tuyến tính cũ sang đa tuyến tính hay phi tuyến tính, từ xác định tới giả định, từ chính xác sang linh động uyển chuyển hơn, với sự chú ý đặc biệt tới các yếu tố đen, chưa và không biết.

Những nhận thức và phương pháp mới đó tới đầu thập niên 1980 đã làm cho các hệ tư duy thuần lý, giáo điều, xơ cứng và các cơ cấu kinh tế, chính trị xây dựng trên các hệ tư duy đó trở nên siêu thực, không tương, phi nhân và phải thật sự cáo chung. Một hệ tư duy mới

trong khung cảnh của một cơ chế xã hội và thế giới mới đang ra đời, vừa phản ánh trung thực và sinh động thực tại tự nhiên, con người và xã hội, vừa luôn luôn mở cửa cho sự tiến hóa không ngừng của loài người. Hơn nữa những khám phá mới mẻ trong các ngành quản lý xã hội, thông tin đại chúng và tin học đang gia tăng khả năng làm chủ đời sống mỗi người, quá trình xã hội và sinh hoạt quốc tế. Đó là tiền đề cần thiết cho sự ra đời của thời đại mới trong thế kỷ XXI.

Về mặt kinh tế, tiến bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật đã thúc đẩy kinh tế xã hội tiến những bước nhảy vọt chưa từng thấy. Tại các nước công nghiệp hóa cao, kinh tế đã phát triển ổn định, một nền công nghiệp cao cấp mới đang ra đời giúp mở ra thời đại hậu công nghiệp. Đồng thời nền kinh tế thương mại đang được quốc tế hóa và toàn cầu hóa với sự ra đời của thị trường quốc tế và thị trường khu vực. Các nước nhỏ cũng đang đạt được những bước phát triển kinh tế thần kỳ. Người ta đã nói tới cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai, cách mạng điện tử. Đồng thời người ta cũng nhận ra những vấn đề lớn mang tính toàn cầu. Sự cách biệt giữa nước giàu với nước nghèo, ô nhiễm môi sinh và bất quân bình sinh thái. Tình trạng bất ổn định, khủng bố, bạo loạn và chà đạp nhân quyền xảy ra khắp nơi trên thế giới.

Những vấn đề nghiêm trọng đó đã nảy sinh như là hậu quả của một nền khoa học kỹ thuật và công nghiệp phi nhân bản và mất nhân tính. Một thế giới như thế không thể có hoà bình bền vững, luôn luôn tạo điều kiện cho bạo loạn và chiến tranh. Nó đe dọa đời sống tiến bộ và hạnh phúc của toàn thể nhân loại và sự phồn vinh của chính các nước giàu. Do đó các nước này phải tập hợp lại để tìm ra chiến lược mới bảo vệ thành quả văn minh của họ và của loài người. Chiến lược này đã được vạch ra và thực thi ngay từ đầu 1960 tại Mỹ với chính sách “Biên Cương Mới” của Tổng Thống Kennedy. Mặc dù cả Kennedy lẫn Tổng Bí Thư Khroutchev của Nga đều bị phe bảo thủ chính phiệt, tài phiệt, quân phiệt triệt phá suốt thập niên 60 tới đầu thập niên 70, nhưng cuối cùng xu thế mới đã thắng thế ở Mỹ trước rồi Nga sau. Mỹ đã trở thành nước đi đầu trong chiến lược đa cực mới, vừa tự thân thực hiện, vừa thuyết phục các đồng minh của mình, vừa gây sức ép với khối cộng sản quốc tế, nhất là với Nga.

Chiến lược toàn cầu mới này có nội dung như thế nào? Có thể tóm lược trong 4 điểm chính sau đây.

1. Chuyển thể giới từ mâu thuẫn tư bản-cộng sản tức Đông-Tây sang mâu thuẫn rồi hợp tác giàu-nghèo giữa Bắc-Nam.

2. Chuyển cuộc đối đầu tại mỗi nước nghèo từ chống cộng, chống nổi dậy sang chống độc tài, chống nghèo đói lạc hậu, đòi dân chủ tự do và phồn vinh, triệt tiêu mọi mầm mống của độc tài, quân phiệt, bạo loạn và khủng bố.

3. Lấy sức mạnh khoa học kỹ thuật và kinh tế làm sức mạnh đấu tranh chính, và sức mạnh quân sự và ngoại giao chính trị làm áp lực hỗ trợ.

4. Hình thành khối 7 nước giàu để chia sẻ trách nhiệm quốc tế và hỗ trợ cho sự ra đời của tổ chức hợp tác vùng.

Chính khối 7 nước giàu và các tổ chức hợp tác vùng là những con chủ bài trong việc thực thi chiến lược mới. Khối 7 nước giàu hoạt động phối hợp để đạt 5 mục tiêu chính sau đây:

1. Ổn định kinh tế-tài chính và mậu dịch trong mỗi nước giàu và giữa các nước giàu với nhau;

2. Hình thành một trật tự kinh tế thế giới mới và một thị trường quốc tế toàn cầu không biên giới quốc gia;

3. Giúp các nước nhỏ phát triển thông qua các tổ chức hợp tác vùng để triệt tiêu mọi mầm mống của độc tài và bạo loạn

4. Áp lực và giúp đỡ Nga-Tàu thực hiện được những thay đổi cần thiết trong đường lối đối nội và đối ngoại thích hợp với thế giới đa cực mới.

5. Phát triển khoa học kỹ thuật cao cấp.

Diễn biến thực tế cùng kết quả của chiến lược toàn cầu đa cực này tới nay đã khá rõ rệt. Khách quan mà nói các chiến lược gia Mỹ là người chủ xướng ra chiến lược mới này. Ý đồ của Mỹ hiển nhiên là xoá bàn cờ Yalta cũ để bày bàn cờ mới, trong đó Mỹ vừa khai thác triệt để sức mạnh của mình --khoa học kỹ thuật, kinh tế, quân sự hạt nhân-- đồng thời triệt tiêu được mọi nhân tố thuận lợi cho việc xuất khẩu cách mạng của Nga mà không đụng tới thế chiến hạt nhân. Mỹ đã thành công trong việc hình thành được khối 7 nước giàu và các tổ chức hợp tác phát triển kinh tế, mậu dịch vùng và liên vùng. Nhờ đó Mỹ đã đặt Nga vào thế chọn lựa bị động, hoặc tiếp tục xa lầy và tiêu hao trong cố gắng vô vọng để cộng sản hóa toàn thế giới, hoặc chấp

nhận thế giới đa cực. Năm 1985 là năm bản lề. Trước sức ép của thế giới đa cực mới đã ra đời Nga cuối cùng đã phải thích nghi và chuyên hóa để có thể vận dụng được những tiến bộ khoa học kỹ thuật và kinh tế của thế giới và thời đại đưa nước Nga mau chóng lên ngang tầm với các nước công nghiệp tiên tiến khác.

Trong thế chiến lược đa cực mới này Mỹ đã dành lại được quyền chủ động, đẩy Nga vào thế bị động. Tuy nhiên bản thân nước Mỹ cũng không phải hoàn toàn chủ động. Chính nước Mỹ cũng đã phải thích nghi với biến chuyển mới của thế giới. Vào đầu thập niên 70 nước Mỹ đã đạt đỉnh cao về công nghiệp hóa, nhưng đồng thời nền công nghiệp lại bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn quốc tế hóa. Mỹ mất dần đặc quyền trên nhiều lãnh vực, kể cả trong lãnh vực khoa học kỹ thuật cao. Theo báo cáo của Quốc Hội Mỹ năm 1986 thặng dư mậu dịch của Mỹ trong lãnh vực kỹ thuật cao cấp tụt từ 27 tỷ đô la năm 1980 xuống còn 4 tỷ năm 1985, và sẽ tiếp tục tụt xuống mức thâm lạm. Trong khi đó thâm thủng ngân sách liên bang thì trái lại, tăng từ 59,6 tỷ đô la năm 1980 lên 202,8 tỷ năm 1985 và còn tiếp tục tăng đều. Năm 1950, Mỹ chiếm 68% dự trữ vàng của toàn thế giới, tới 1973 tỷ số này tụt xuống còn có 27%. Nhiều chuyên gia quốc tế tiên liệu Mỹ sẽ tiếp tục suy thoái để trong tương lai, tuy chưa gần, trở về đúng vị trí thích hợp với tài nguyên địa lý và dân số của họ, tức là chỉ chiếm khoảng 18% tổng giàu có của thế giới so với 40% như hiện nay. Trong khi đó, các nước và khu vực khác trên thế giới đang tiến lên nhanh chóng.

Ở trên chúng ta đã nói tới sự lớn dậy của Nhật và Tây Âu. Ở đây chúng ta cần kể thêm một khu vực đang được các chuyên gia quốc tế hết sức chú ý. Đó là khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Trong vài thập niên qua, khu vực này có tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt qua cả Nga, Mỹ và Tây Âu, hiện nay đang chiếm 40% tổng lợi tức toàn thế giới và tiên liệu tới năm 2000 có thể chiếm tới 50%. Trong bối cảnh đó nước Mỹ không còn có thể một mình cáng đáng nổi tình hình thế giới được nữa. Hơn nữa sự lớn mạnh của các nước và khu vực khác cộng thêm với sự quốc tế hóa khoa học kỹ thuật và kinh tế thương mại khiến cho việc đó cũng không còn cần thiết nữa.

Tóm lại, thế giới chuyển từ lưỡng cực sang đa cực là do những nguyên nhân khách quan. Nói chung là do tiến trình toàn cầu hóa, nhân loại hóa mọi mặt đời sống con người, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa và khoa học kỹ thuật. Tiến trình đó là kết quả tất yếu của

dòng lịch sử nhân loại đi từ bộ lạc lên quốc gia, từ quốc gia lên quốc tế. Hiện nay là giai đoạn chuyển tiếp từ quốc tế hóa giả hiệu lên quốc tế hóa chân chính. Giả hiệu vì ý đồ cầm nắm toàn thế giới của các trung tâm quyền lực thế giới. Giả hiệu còn vì sự chia sẻ quyền lợi của các trung tâm quyền lực quốc tế này.

Quốc tế chuyển biến từ thực dân thuộc địa cũ trong thế kỷ XiX đầu thế kỷ XX sang thực dân kiểu mới từ giữa thế kỷ XX trở đi với sự phân tang thế giới lưỡng cực Nga-Mỹ và cuộc chiến tranh lạnh suốt thời kỳ hậu Yalta. Ngày nay giả quốc tế đang tan rã dần với sự ra đời của thế giới đa cực trong đó các trung tâm quyền lực quốc tế cùng hợp tác để ổn định và phát triển thế giới.

Nói cho cùng thì đây cũng là một hình thức siêu thực dân, trong đó các cường quốc cạnh tranh gây ảnh hưởng bằng sức mạnh kinh tế, thị trường tiêu thụ và tiến bộ khoa học kỹ thuật cao cấp. Dù không chiếm đóng lãnh thổ và áp đặt các thể chế chính trị như trước đây, sự thắng lướt của kinh tế thị trường và khoa học kỹ thuật tất dẫn đến những đòi hỏi cải cách sâu rộng và thích hợp trên chính trị, văn hóa và xã hội. Kinh tế thị trường hóa và bùng nổ thông tin tất dẫn đến nền chính trị dân chủ hóa và sự sinh hoạt văn hóa xã hội tự do hóa. Những gì đã xảy ra ở Nam Mỹ, Triều Tiên, Đài Loan đã chứng tỏ điều đó. Những gì đang xảy ra ở Đông Âu và Liên Xô cũng chứng tỏ điều đó. Và ngay cả những gì chưa xảy ra ở Việt Nam, Trung Cộng và vài nước cộng sản khác cũng chứng tỏ điều đó một cách ngược lại là: nếu chưa dám có các cải cách mạnh bạo về chính trị, văn hóa, xã hội thì chưa thể phát huy được sức mạnh về tiến bộ khoa học kỹ thuật và kinh tế của thế giới để phát triển kinh tế trong nước. Chính trị và kinh tế tương quan mật thiết.

Dù sao hình thức siêu thực dân này cũng là một bước chuyển mình nhẹ nhàng và cần thiết sang một thế giới quốc tế hóa chân chính. Nó cần thiết cho cả các nước giàu lẫn các nước nghèo. Đối với các nước giàu, tiếp tục tranh giành bá quyền thế giới vừa tiêu hao sức mạnh kinh tế khoa học kỹ thuật vừa không thành công và có nguy cơ làm bùng nổ thế chiến nguyên tử. Sự cạnh tranh và hợp tác hòa bình vừa giúp họ duy trì được ưu thế công nghiệp đối với các nước nhỏ, vừa giúp họ rảnh tay đẩy mạnh các tiến bộ khoa học kỹ thuật cao cấp hơn. Đối với các nước nghèo, bước chuyển mình này giúp họ tránh được thế kẹt giữa hai phe tả hữu quốc tế, thế kẹt đã bắt họ phải đi theo con đường cụt phi liên kết, con đường đã triệt tiêu mất của họ hầu hết

nguồn vốn và kỹ thuật để phát triển. Nay họ có thể yên ổn tập trung vào phát triển kinh tế, mở rộng cửa đón nhận sự hỗ trợ quốc tế về vốn và chuyển giao công nghệ để bước những bước nhảy vọt về mọi mặt.

Thế giới như thế đang mở ra cho các nước nhỏ những cơ may lớn lao cho hòa bình ổn định và phát triển. Vấn đề còn lại là các nước này có nhanh chóng vận dụng các cơ may này hay không?

Kết luận về tình hình thế giới: Trong bước chuyển mình tất yếu này của lịch sử nhân loại, mọi quốc gia, mọi đoàn thể chính trị, mọi ý hệ tư tưởng, bất kể tả hay hữu, đi ngược lại tiến trình ấy đều sẽ bị băng hoại, vượt qua và đào thải. Điều này bao gồm mọi hệ tư tưởng siêu thực, phi nhân, giáo điều và độc đoán, mọi chế độ chính trị độc tài đảng trị dưới bất cứ hình thức và tên gọi gì, và mọi ý đồ bá quyền thế giới và khu vực nhân danh bất cứ gì. Tất cả những điều đó đều sẽ mất hết sức mạnh chi phối sinh hoạt quốc gia và quốc tế. Có thể thế kỷ XXI mới thực sự là thế kỷ của cộng đồng quốc tế nhân bản.

Trong viễn ảnh đó, chúng ta có thể tiên liệu được những gì sẽ tiếp tục xảy ra ở Âu Châu, Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam. Hai nước Đức liên hiệp trong một Âu Châu hợp nhất, cả Đông Âu lẫn Tây Âu, để cùng phát triển trong hòa bình là điều có thể xảy ra trong ngoài năm 2000. Đặc biệt Liên Xô và Trung Quốc còn là hai trở ngại lớn nhất cho sự ra đời của thế giới mới. Để một cộng đồng quốc tế chân chính ra đời được không thể còn tồn tại những quốc gia rộng lớn mà độc đoán, mọi quyền lực chính trị đều nằm tuyệt đối trong tay một thiểu số chính trị gia độc tài hay một đảng chính trị độc tôn độc quyền. Thể chế chính trị đó là mối đe dọa thường xuyên cho an ninh và ổn định thế giới và khu vực. Do đó chúng ta có thể khẳng định rằng trào lưu thế giới và cộng đồng nhân loại sẽ tiếp tục tác động để dẫn tới những thay đổi quan trọng về cơ chế chính trị, kinh tế, xã hội ở Nga và Tàu. Đây không còn là vấn đề nội bộ của hai nước đó mà là một vấn đề sống còn của cộng đồng quốc tế. Tuy thế không ai mong muốn xảy ra tình trạng rối loạn và bạo động không kiểm soát được tại hai nước lớn này vì một tình trạng như thế cũng đe dọa an ninh và ổn định của thế giới. Mọi bên liên hệ chắc sẽ cố gắng thúc đẩy diễn biến hòa bình tại hai nước này, dù không loại trừ các khả năng chính biến hay tan vỡ và rối loạn tạm thời cần thiết.

Riêng vùng Đông Nam Á, hoà bình ổn định và hợp tác phát triển là xu thế không thể đảo ngược. Do đó, việc tháo gỡ các căn cứ quân sự của Liên Xô và Mỹ trong vùng này là điều chắc chắn phải xảy ra.

Trên đây là bối cảnh thế giới và nhân loại từ nay tới khoảng trong ngoài năm 2000. Sau đây chúng ta sẽ xem xét tình hình riêng tại nước ta.

Phần II

Thực Chất Tình Hình Việt Nam Hiện Nay

Thưa các bạn,

Như thế, xu thế chung toàn cầu hiện nay là hòa bình ổn định để phát triển kinh tế và xây dựng xã hội tự do và dân chủ. Dù tại một số vùng còn tình trạng bất ổn định, khủng bố và vi phạm nhân quyền nhưng dần dần tất cả phải đi vào xu thế chung. Đây là xu thế lịch sử tiến hóa khách quan của nhân loại và thế giới chứ không phải do bất cứ tập đoàn siêu cường nào có thể tự ý sắp xếp ra được. Các siêu cường hiện nay sở dĩ còn duy trì được thế chủ động trên chính trường thế giới cũng chính vì họ đã thấy được xu thế này sớm và đã nhanh chóng điều chỉnh đường lối đối ngoại của họ để vận dụng xu thế này tiếp tục có lợi cho họ. Đây là bài học quan trọng mà mỗi người Việt Nam chúng ta cần suy ngẫm.

Trong bối cảnh mới này của thế giới những vấn đề nghiêm trọng đang được đặt ra cho tất cả những người Việt quan tâm tới tình hình đất nước, đặc biệt là đối với những nhà lãnh đạo cộng sản hiện đang trực tiếp trách nhiệm về tương lai dân tộc. Một trong những câu hỏi căn bản đó là: chủ nghĩa Mác-Lênin thực chất còn ý nghĩa gì trước sóng trào của xu thế thời đại và khát vọng tự do tiến bộ của toàn dân? Nỗi khổ tâm chính trị của giới lãnh đạo Hà Nội hiện nay phải chăng là: không thể không đổi mới nhưng đổi mới như thế nào, và đổi mới thật sự sẽ dẫn đảng cộng sản Việt Nam đi tới đâu?

Để có thể khách quan tìm lời giải đáp cho vấn đề này chúng ta cần phân tích tình hình cụ thể ở nước ta hiện nay để tìm ra thực chất của tình hình này.

Thực tế hiện nay là vận mệnh đất nước còn tùy thuộc hầu như hoàn toàn vào những quyết định độc quyền của một thiểu số người trong Bộ Chính Trị tại Hà Nội. Trong khi đó thì chỗ dựa vững chắc trước đây của họ là chủ nghĩa Mác-Lê lại đang bề vỡ từng mảng lớn quan trọng. Họ còn có thể hy vọng học được những kinh nghiệm gì ở Trung quốc trong việc đối phó với tình hình mới? Còn những liều thuốc đang được thử nghiệm ở Đông Âu và Liên Xô thì chắc chắn là quá cay đắng khó thể nào nuốt được. Nếu nhìn thẳng vào sự thật thì phải chăng chính những nhà lãnh đạo cộng sản già nua hiện nay ở Hà Nội cũng tự hiểu rằng bản thân chủ nghĩa Mác chẳng còn mấy ý nghĩa nữa. Nhưng nếu từ bỏ chủ nghĩa Mác thì họ còn nhân danh gì để tự cho mình được độc quyền lãnh đạo quốc dân nữa? Đó phải chăng chính là ý nghĩa thật đáng sau những mưu toan như đối mới, dân chủ của Bộ Chính Trị cộng sản ở Hà Nội?

Nhưng đối với quốc dân thì sự thật chỉ đơn giản là: đã đến lúc phải đặt quyền lợi của đất nước lên trên quyền lợi của mọi đảng phái. Và như một nhà văn nữ đầy kiên cường đã nói trước đại hội các nhà văn toàn quốc vừa qua ở Hà Nội: “Đảng CS phải biết thương nhân dân và không một cá nhân nào, đảng phái nào được đặt mình cao hơn dân tộc. Những gì đã và đang xảy ra cho phong trào cộng sản ở Anh, Đông Âu, Liên Xô đáng cho mọi người cộng sản Việt Nam suy ngẫm. Những diễn biến đã nói lên sự thực đơn giản: Thực sự đặt quyền lợi dân tộc trên hết thì phải có can đảm chấp nhận mọi biện pháp đưa đất nước tiến lên, dù biện pháp đó có hậu quả như thế nào đối với chủ nghĩa Mác và đảng cộng sản.”

Trong trường hợp Việt Nam, tình hình hiện nay đang đảo ngược lại. Bộ Chính trị Cộng sản tại Hà Nội đang nhân danh chủ nghĩa Mác và những lý tưởng cao đẹp của Mác để duy trì độc quyền lãnh đạo của họ. Họ đang âm mưu thích nghi và tạo điều kiện để bước vào thế giới đa cực mà vẫn giữ được địa vị độc tôn của đảng cộng sản, hay đúng hơn là địa vị độc tôn của một thiểu số đang cầm quyền thống trị. Họ có thể thành công được hay không? Điều này phụ thuộc vào hai câu hỏi là: Liệu chủ nghĩa Mác có còn thích hợp trong một thế giới đa cực và một nền chính trị đa nguyên nữa hay không? Và liệu độc tài đảng trị có thể song hành với tự do dân chủ và tiến bộ xã hội được hay không?

Đã đến lúc tất cả chúng ta và đặc biệt là những người cộng sản Việt Nam phải thẳng thắn trả lời các câu hỏi này.

Theo chúng tôi nghĩ thì thực chất tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam hiện nay là: Dân tộc ta đang chấm dứt một thời kỳ lịch sử cũ và sửa soạn bước vào một thời kỳ lịch sử mới. Tiến trình lịch sử dân tộc ta cũng giống như tiến trình lịch sử nhân loại, đang bước vào giai đoạn chuyển tiếp sang một thời đại mới. *Đó là thời đại thống nhất dân tộc và phát triển đất nước.*

Dân tộc ta đang trải qua những năm tháng cuối cùng của thời kỳ lịch sử hiện đại bắt đầu từ khi người Pháp xâm chiếm nước ta. Thời kỳ này là thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc, và nhiệm vụ chủ yếu là tranh đòi lại độc lập tự chủ cho dân tộc. Cuộc cách mạng dân tộc chống lại mọi ý đồ đô hộ, đồng hóa và chi phối của Tây phương đã trải qua dưới mọi hình thái, từ bạo động vũ trang tới bất bạo động, bất hợp tác, tới tạm thời thỏa hiệp để canh tân, rồi dành quyền tự chủ dần dần. Tất cả mọi tâm trí và sức lực của mọi tầng lớp dân chúng đều được tận dụng cho một mục tiêu chung. Đó là nét son chung của toàn bộ các phong trào yêu nước trong suốt thời kỳ này. Nó vượt qua mọi khác biệt chính kiến, đoàn thể, địa phương, tôn giáo, giai cấp. Mọi toan tính xóa nhòa nét son chung này như bôi nhọ, xuyên tạc, phủ nhận hoặc tiêu diệt các phong trào vận động giải phóng dân tộc khác biệt trong thời kỳ này để độc quyền dành lấy ngọn cờ giải phóng dân tộc đều chỉ bộc lộ tinh thần bè nhóm của các tư đảng hay các công cụ đảng phục vụ chiến lược toàn cầu của các siêu cường. Nó chỉ làm chậm lại việc hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ này, chia rẽ lực lượng dân tộc, có lợi cho các siêu cường. Đồng thời mọi cố gắng phân tích, phê phán khách quan thời kỳ này để rút tĩa kinh nghiệm cho công cuộc phục hưng và phát triển đất nước đều cần thiết và đáng được khuyến khích. Tuy nhiên, không thể nhân danh bất cứ gì để làm tổn thương mọi gian khổ hy sinh, dưới mọi màu sắc chính trị khác biệt, cộng sản hay không cộng sản, vì một mục tiêu chung: dành độc lập tự chủ cho dân tộc.

Hiện nay cuộc đấu tranh dành độc lập tự chủ đã chấm dứt. Chúng ta đang chứng kiến một giai đoạn chuyển tiếp sang một thời kỳ lịch sử mới. Ba sự kiện làm nổi bật tính chất giao thời của giai đoạn lịch sử hiện nay bắt đầu từ sau ngày 30 tháng tư năm 1975. *Sự kiện thứ nhất là sự tan rã mau chóng và toàn diện của phe quốc gia chống cộng; sự kiện thứ hai là sự bất lực và băng hoại của phe cộng sản trước tình hình mới; sự kiện thứ ba là tình trạng ly tán, mất niềm tin và sinh hoạt tự phát của quần chúng.*

Sự kiện thứ ba đáng cho chúng ta quan tâm trước hết vì quần chúng là yếu tố quyết định mọi chuyển biến lịch sử. Tình trạng hiện nay của quần chúng là mối lo chung. Vì đất nước không thể phát triển với một quần chúng thờ ơ, buông xuôi và tự phát.

Nhưng trước hết, tình trạng quần chúng và xã hội hiện nay là hậu quả tất nhiên của hai sự kiện trước. Sau nữa, tình trạng đó là một điều kiện cần thiết, tuy chưa đủ, để chấm dứt thời kỳ lịch sử cũ và mở ra thời kỳ lịch sử mới. Nó cần thiết để triệt tiêu mâu thuẫn tương tranh quốc-cộng kéo dài suốt giai đoạn hậu Phan Bội Châu. Mâu thuẫn này có nguyên nhân khách quan. Đó là nhu cầu tìm một đường lối và thể dựa quốc tế cho đấu tranh giải phóng dân tộc. Đồng thời nó cũng có một nguyên nhân chủ quan. Đó là sự yếu kém trong tinh thần độc lập và sáng tạo tư tưởng của tầng lớp thức giả Việt. *Tinh thần ỷ lại vào văn hóa nước ngoài đã trở thành một căn bệnh trầm kha của lịch sử cận đại nước ta.* Nó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới phân rẽ lực lượng dân tộc theo chỉ đạo tư tưởng chính trị Tây phương.

Quần chúng Việt Nam rút cục đã trở thành nạn nhân trong cuộc tương tranh tả hữu này, cuộc tương tranh nhân danh những lý tưởng dân tộc, nhân quyền, tự do, dân chủ, độc lập và hạnh phúc. Do đó, sự thờ ơ, mất niềm tin, tự phát của quần chúng hiện nay chứng tỏ rằng họ đã phản tỉnh khỏi mọi mê hoặc của các chiêu bài của cả hai phe tả hữu cũ. Từ nay cuộc tương tranh dân tộc không còn chỗ dựa vững chắc là quần chúng nữa, lại đang mất cả thể dựa quốc tế trong một thế giới đa cực mới, tất nhiên phải tiêu vong. Cơ may cho thống nhất dân tộc chân chính và toàn diện đang tới.

Sự phản tỉnh của quần chúng Việt hiện nay vẫn còn tiêu cực, nhưng đó là điều tự nhiên vì quần chúng bao giờ cũng cần có lãnh đạo và hướng dẫn. Nhưng, dù còn tiêu cực, sự phản tỉnh đó đang đặt ra cho những ai quan tâm tới vận mệnh đất nước những vấn đề căn bản: Liệu chúng ta có gì để đáp ứng khát vọng hiện nay của quần chúng? Dân tộc ta sẽ đi về đâu?

Mọi chiêu bài lý tưởng rỗng tuếch, thiếu hiện thực không thể tập hợp được tâm huyết, tài năng đang ly tán khắp nơi trong nước cũng như hải ngoại. Sự tan rã của phe quốc gia chống cộng cũng như sự băng hoại hiện nay của phe cộng sản đã và đang chứng tỏ điều đó.

Sự biến 30 tháng tư 1975 có ý nghĩa quan trọng. Nó chấm dứt một giai đoạn cũ, giai đoạn mà thực chất là tương tranh quyền lợi

nhân danh những lý tưởng cao đẹp. Chúng ta hãy cùng nhau xét thêm về sự thực khách quan này.

Trước hết, nói về phe quốc gia. Phe này thực sự ra đời với giải pháp Bảo Đại năm 1949, dù các thành viên của nó đã có mặt trên chính trường Việt Nam trước đó. Mục tiêu của Pháp, và sau đó là của Mỹ, là dựng lên một trận tuyến ngăn chặn cộng sản nói chung, và Trung cộng nói riêng, để bảo vệ quyền lợi mà phe Mỹ được hưởng trong cuộc phân chia thế giới sau đệ nhị thế chiến. Các phong trào dân tộc không cộng sản trước 1949 đã bị phe cộng sản dùng bạo lực và các thủ đoạn thâm hiểm triệt tiêu hoặc vô hiệu hóa. Hơn nữa, hầu hết các phong trào này chỉ dựa thuần túy vào tình tự dân tộc, thiếu hẳn một hệ thống lý luận triết học và chính trị sắc bén, chặt chẽ và thời đại làm chỉ đạo cho công cuộc lớn lao của họ. Do đó, dần dần họ đã để mất thế chủ động vào tay phe cộng sản.

Sau khi giải pháp Bảo Đại ra đời hầu hết các phong trào không cộng sản, do không còn chỗ đứng, đã dần dần để bị đồng hóa ngày một chặt chẽ hơn vào chiến lược và chiến thuật chống cộng của phe Mỹ. Điều này vừa giúp phe cộng sản dành hẳn được ngọn cờ giải phóng dân tộc, vừa đẩy phe quốc gia vào thế bị động, nổi trôi theo chiến lược toàn cầu của Mỹ, để cuối cùng bị tan rã theo với cuộc sắp xếp lại chiến lược và rút lui chiến thuật của Mỹ tại Đông Dương và Châu Á.

Về phía những người cộng sản Việt Nam, ngay sau thất bại của phong trào vận động của cụ Phan họ đã sớm dứt khoát chọn lựa con đường hoạt động với *ba nội dung chính lược* sau:

1. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc phải gắn liền với phong trào cộng sản thế giới do Liên Xô lãnh đạo.
2. Đất nước chỉ phát triển được bằng con đường của chủ nghĩa Mác-Lê nin;
3. Do đó, sự lãnh đạo tuyệt đối và duy nhất của đảng cộng sản tại Việt Nam là điều kiện bắt buộc để thành công.

Với sự chọn lựa dứt khoát về chính lược đó, những nhà lãnh đạo phong trào cộng sản Việt Nam đã hoàn toàn dành được chính quyền sau thời gian kiên trì chiến đấu nhờ vận dụng tổng hợp được *năm yếu tố* sau đây:

1. có một hệ thống lý luận rõ ràng, chặt chẽ làm nền tảng chỉ đạo cho chính lược và chiến lược hành động;
2. áp dụng kỷ luật sắt trong nội bộ đảng;
3. vận dụng tinh xảo lòng yêu nước của quần chúng;
4. vận dụng triệt để và hữu hiệu mọi cơ may và hậu thuẫn quốc tế kể cả khai thác triệt để các sai lầm và yếu kém của đối phương;
5. tiêu diệt thẳng tay mọi đối thủ trong nước.

Cơ may lớn nhất của đảng cộng sản Việt Nam là năm 1975, là lúc mà Mỹ đang chuyển từ ngăn chặn đối đầu sang hòa giải hợp tác với Trung cộng để hình thành thế đa cực mới ở Châu Á-Thái Bình Dương. Nhưng chính trong bối cảnh của một thế đa cực đang hình thành đó mà cơ may ấy chỉ đủ đem lại thắng lợi nhất thời, chứ không giúp duy trì lâu dài được thắng lợi đó. Từ 1980 trở đi, khi mà thế đa cực đã thực sự ra đời trên toàn thế giới và riêng tại Châu Á-Thái Bình Dương thì cũng là lúc khởi đầu quá trình tan rã của phong trào cộng sản thế giới và tại Việt Nam. Năm yếu tố đã giúp cộng sản Việt Nam dành được chính quyền trước đây nay không còn hữu hiệu trong giai đoạn xây dựng nữa.

Về yếu tố thứ nhất, hệ lý luận Mác-xít ngày càng trở nên già cỗi trước tiến bộ mọi mặt của thế giới và thời đại. Từ Trung quốc đến Liên Xô đều phải lần lượt duyệt xét lại hầu hết các quan điểm căn bản trong lý luận kinh tế chính trị học Mác-xít. Sự thất bại của Liên Xô sau 70 năm xây dựng xã hội cộng sản đã quá hiển nhiên khiến không thể viện dẫn bất cứ lý do nào khác ngoài chính sự sai lầm và thiếu sót trong bản thân chủ nghĩa Mác.

Về yếu tố thứ hai, kỷ luật đảng bị lung lay bởi ba nhân tố mới là tiện nghi vật chất thành thị, những biến chuyển phi cộng sản hóa tại Đông Âu, và bản thân sự bất lực và thất bại trong xây dựng của đảng trong giai đoạn mới. Ba nhân tố này làm lung lay niềm tin vào sự trong sáng và vững chắc của chủ nghĩa Mác, và vào sự lãnh đạo của đảng. Mất niềm tin dẫn đến hủ hóa tiêu cực và suy yếu của kỷ luật đảng.

Về yếu tố thứ ba, yêu nước nay là yêu chủ nghĩa xã hội, mà chủ nghĩa xã hội đang bị lung lay tận cội gốc. Trong hoàn cảnh đó, làm sao vận dụng được lòng yêu nước trong sáng của quốc dân nữa.

Về yếu tố thứ tư, hậu thuẫn quốc tế mất dần. Chiêu bài giải phóng dân tộc sụp đổ hoàn toàn sau sự kiện Nga đem quân qua Afghanistan và Việt Nam tràn quân qua Kampuchia. Suốt mười năm chiến đấu ở Kampuchia, Việt Nam bị đa số các quốc gia lên án.

Ngay sau 30 tháng tư năm 1975 Hà Nội đã sớm nhận ra nguy cơ này nên họ đã mưu toan giữ hai nước Việt Nam là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam¹. Mỹ và Trung quốc đã phối hợp phá vỡ mưu toan này đồng thời liên tiếp gây sức ép, cả bằng quân sự, để cuối cùng đẩy cộng sản Việt Nam vào con đường độc đạo là thống nhất Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bước thứ nhất đã đi tất phải đi bước thứ hai là dứt khoát chọn lựa giữa Nga và Tàu. Không nhà lãnh đạo cộng sản lúc đó dám chọn Tàu, nhưng chọn Nga là đi vào ngõ cụt. Những gì đã và đang xảy ra ở Nga và Đông Âu chứng tỏ điều đó. Đã chọn Nga, tất phải đi tiếp bước thứ ba là đánh qua Miên. Rồi tiếp bước thứ tư là sa lầy mười năm ở đó, thời gian đủ để làm tiêu tan mọi nền tảng sức mạnh của cộng sản Việt Nam trong đó có hậu thuẫn quốc tế. Bước thứ năm sắp tới chắc chắn phải là chấm dứt vai trò độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản Việt Nam trên chính trường Việt Nam.

Về yếu tố sau cùng, thì đối thủ hiện nay của đảng cộng sản chính là nhân dân, chính là các đồng chí cộng sản cấp tiến hơn, chính là các phong trào đổi mới đang xảy ra dòn dập tại Liên Xô và Đông Âu, và chính là sức mạnh kinh tế thương mại và tiến bộ khoa học kỹ thuật thế giới. Bạo lực cộng sản còn có thể sử dụng hữu hiệu để tiêu diệt được những đối thủ mới đó nữa hay không?

Tại sao năm yếu tố trước đây thuận lợi nay lại trở thành bất lợi cho cộng sản Việt Nam? Bởi vì ngày nay tình hình thế giới và trong nước đã đổi khác. Một thế giới quan mới đã ra đời trong đó ngày một nổi bật lên tính nhân bản toàn cầu của mọi khía cạnh của đời sống quốc gia và quốc tế. Nó vượt lên trên mọi tranh chấp ý thức hệ, quốc gia và khu vực. Nó đang vươn tới một thế giới nhân đạo ổn định, hòa hợp quyền lợi quốc gia và quốc tế, dân tộc và nhân loại. Ở trong nước thì quần chúng Việt Nam, trải qua nửa thế kỷ đầy chính biến quan trọng, nay đã phản tỉnh và trưởng thành lên, khát vọng tự do và tiến bộ ngày một cụ thể và mãnh liệt hơn. Trong bối cảnh thế giới và trong

¹ *New York Times*, Aug. 12, 1975, p.1.

nước đó phải chăng cái áo cộng sản đã quá chật chội và cũ nát đối với một nhân loại đã lớn lao lên về mọi mặt, và đối với một dân tộc đang khát khao vươn mình trỗi dậy.

Kết quả là một mâu thuẫn mới đã ra đời trong một đất nước đã thống nhất và “sạch bóng quân xâm lược”. Đó là mâu thuẫn giữa khát vọng tiến bộ, tự do, dân chủ và hạnh phúc của toàn dân với chế độ đảng trị, độc đoán, lỗi thời và bất lực. Đó là mâu thuẫn giữa sự thực và giả dối. Đó là mâu thuẫn giữa đại đa số quần chúng bị trị với một thiểu số chính quyền thống trị. Không còn là mâu thuẫn giữa dân tộc và đế quốc, giữa cộng sản và quốc gia nữa. Dù bất cứ cá nhân hay đoàn thể chính trị nào cố tình muốn xóa nhòa mâu thuẫn đó bằng bất cứ chiêu bài nào, mâu thuẫn ấy vẫn nổi bật lên trong sinh hoạt thường ngày của mỗi người dân.

Đối với mỗi người dân Việt Nam vấn đề chính hiện nay không phải là cách mạng hay phản cách mạng, theo cộng sản hay chống cộng sản. *Vấn đề chính là đất nước có tiến bộ và phát triển được hay không, dân chúng có tự do, ấm no và hạnh phúc được hay không?* Bất cứ chế độ và chính quyền nào, do ai lãnh đạo, bởi đoàn thể chính trị nào, nếu giải quyết được vấn đề đó sẽ được nhân dân ủng hộ và tồn tại. Ngược lại sẽ bị toàn dân chối bỏ dù đó là chế độ và chính quyền gì.

Một cuộc chiến đấu mới đã bắt đầu, cuộc chiến chống nghèo đói, lạc hậu, và độc đoán, đòi phú cường, tiến bộ và tự do dân chủ. Trong cuộc chiến đấu mới này chỉ có một kẻ thắng là sự thực, là dân tộc Việt Nam và dân chúng Việt Nam, và một kẻ bại là giáo điều, giả dối, lạc hậu và độc đoán. Đây phải là một tâm niệm chỉ đạo rõ rệt không chút mơ hồ nào của tất cả chúng ta.

Đó là thực chất tình hình nước ta hiện nay. Tất nhiên tình hình nước ta hết sức phức tạp về tất cả mọi mặt, từ chính trị đến kinh tế và văn hóa giáo dục, xã hội. Sự băng hoại và bế tắc trên tất cả mọi khía cạnh đó của đời sống quốc dân và sinh hoạt xã hội là một thực tế không cần đến sự diễn tả và giải thích nữa. Vấn đề của tất cả chúng ta cần quan tâm hiện nay là cùng nhau tìm ra những giải pháp hữu hiệu cho tình trạng bế tắc và băng hoại toàn diện hiện tại. Nhìn rõ được thực chất của tình hình là bước cần yếu đầu tiên, vì thực chất ấy có *hai ý nghĩa* quan trọng:

1. Vấn đề chính của nước ta hiện nay không còn là tranh đòi độc lập tự chủ nữa, mà là phát triển đất nước. Hay nói cho đúng hơn, muốn duy trì được độc lập phải phát triển được đất nước. Cứu cánh của phát triển là đem lại phồn vinh cho xã hội, ấm no và hạnh phúc cho toàn dân. Không thể đạt được cứu cánh đó trong một thế giới và khu vực bất ổn định, đầy mâu thuẫn đối kháng và trong một xã hội giả dối, độc tài, thiếu tự do, dân chủ.

2. Giai đoạn tương tranh quốc-cộng đã qua rồi. Sự chia rẽ lực lượng dân tộc phải được chấm dứt. Điều này không có nghĩa là không còn đấu tranh với những đường lối và hoạt động chính trị cơ hội, đặt quyền lợi tư đảng lên trên quyền lợi dân tộc. Nhưng mọi đấu tranh từ nay phải xuất phát từ ý thức trách nhiệm và tinh thần xây dựng, từ quyền lợi thiết thực của toàn dân, từ tình người và tình dân tộc. Mọi tâm thức và hành động theo khuôn mẫu chính trị đảng tranh đối kháng cũ đều không đáp ứng được khát vọng của quần chúng và nhiệm vụ của giai đoạn lịch sử hiện nay và tương lai. *Lực lượng dân tộc phải được tái thống nhất, không phải như là một thủ đoạn chính trị giả hiệu, mà như là một sức mạnh tổng hợp, tổng hợp từ sự phản tỉnh trưởng thành của toàn dân và sự tiến bộ mọi mặt của nhân loại.*

Chỉ với sự tổng hợp sức mạnh của dân tộc và nhân loại như thế chúng ta mới kết hợp được mọi lực lượng yêu nước khác biệt để cùng nhau giải quyết mọi khó khăn trở ngại, mở ra thời đại phục hưng và phát triển đất nước sau năm 2000.

Phần III

Đi Tìm Một Đường Lối Mới

Thưa các bạn,

Trong hai phần trên chúng ta đã lược xét những điểm chính yếu của tình hình thế giới và trong nước. Những diễn biến này đang đặt ra cho tất cả mọi người Việt những thách thức mới.

Đối với những người quốc gia cũ, thách đố đó là họ còn có gì để cống hiến cho công cuộc phục hưng và xây dựng đất nước vượt trội hơn những người cộng sản. Liệu những yếu kém và bệnh thái chính

trị nghiêm trọng trước 1975 có sẽ được lập lại dưới một dạng khác hay không?

Đối với những lãnh tụ cộng sản hiện đang cầm quyền, thách đố đó là họ có dám tự đặt đường lối cộng sản của họ và chính bản thân họ dưới sự biểu quyết tín nhiệm thật sự tự do của toàn dân hay không? Phải chăng đã đến lúc chính họ phải hoàn toàn lột xác để còn là những nhân sự tích cực cho tương lai đất nước.

Còn đối với toàn dân Việt chúng ta thì thách đố đó là truyền thống và bản sắc dân tộc Việt phải được tồn tại và phát huy như thế nào trong một thế giới đang ngày càng toàn cầu hóa và nhân loại hóa. Làm thế nào để đuổi kịp tiến bộ thế giới trong thời gian ngắn nhất đồng thời phát huy được bản sắc dân tộc và tránh được những bệnh thái của nền công nghiệp Âu-Mỹ.

Tất cả chúng ta đều không thể lẫn tránh được những thách đố này dù dựa vào quyền lực chính trị nào và núp dưới chiêu bài lý tưởng nào. Đó là những thách đố của lịch sử và thời đại. Trục diện và giải quyết một cách thẳng thắn và trung thực là con đường ngắn nhất để tìm ra lối thoát cho hoàn cảnh bế tắc hiện nay. Nhưng để trục diện đối phó với những thách đố chung này trước hết chúng ta cần rút tía những kinh nghiệm xây dựng của thế giới.

Theo thiên ý, quá trình phát triển công nghiệp hóa theo *đường lối tư bản* cho chúng ta *ba kinh nghiệm* sau đây:

Kinh nghiệm thứ nhất là không thể cải thiện nhanh chóng mức sống của dân chúng nếu không tạo điều kiện cho các sinh hoạt văn hóa tư tưởng và học thuật được phát triển tự do, toàn diện và tối đa. Không thể có văn minh và tiến bộ nếu không có trình độ văn hóa, không có khả năng sáng kiến và phát minh thì không thể nâng cao trình độ dân chúng. Không thể có sáng kiến và phát minh nếu không có tự do, tự do tư tưởng và giảng dạy nghiên cứu, thật sự và hoàn toàn. Chúng ta cần nhanh chóng và cương quyết dẹp bỏ mọi trở ngại và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn diện và tối đa tinh thần và trí tuệ của toàn dân, đặc biệt là giới trẻ. *Không thể nhân danh bất cứ gì để bóp nghẹt và định hướng tư tưởng.* Không thể có một thứ tự do trong khuôn khổ hay dưới sự lãnh đạo của... *Phải dứt khoát coi mọi bóp nghẹt tự do tư tưởng là một tội ác* đối với lịch sử. Con đường giải phóng dân tộc khỏi nghèo nàn lạc hậu phải bắt đầu

bằng giải phóng tinh thần và trí óc của toàn dân ra khỏi mọi mê hoặc, trói buộc và đàn áp nhân danh bất cứ gì và dưới bất cứ hình thức nào.

Kinh nghiệm thứ hai của quá trình công nghiệp hóa tư bản là phải tổ chức và quản lý xã hội sao cho mọi thành phần xã hội đều tác động được tích cực vào sự ổn định và phát triển xã hội. Có hai mối quan hệ cần được thông lưu tốt đẹp. Đó là quan hệ giữa ba thành phần xã hội là nghiên cứu học thuật, kinh doanh sản xuất và chính quyền, và quan hệ giữa ba thành phần đó với quần chúng. Làm sao cho ba thành phần chính quyền, doanh nhân và thức giả luôn luôn được phân công và điều hợp với nhau. Thức giả đóng vai trò lập thuyết, hoạch định và cảnh giới. Doanh nhân và các nhà hoạt động xã hội đóng vai trò thực hiện. Chính quyền đóng vai trò điều hợp. Chính sự điều phối được ba thành phần này đã giúp chế độ tư bản vượt qua được giai đoạn ấu trĩ lúc đầu, tự điều chỉnh những sai lầm để tiến lên phát triển một cách ổn định. Nó cũng đang tạo điều kiện cho sự ra đời của nền khoa học kỹ thuật và kinh tế mới, vừa cao cấp hơn vừa có tính toàn xã hội và toàn cầu, với sự tham gia tích cực và trực tiếp hơn của quần chúng vào quá trình xây dựng và giải quyết mọi vấn đề của xã hội và thế giới.

Kinh nghiệm thứ ba của nền công nghiệp tư bản liên quan tới những hậu quả nghiêm trọng mà quá trình công nghiệp tư bản đã gây ra cho thiên nhiên, xã hội và con người.

Hậu quả thứ nhất là ô nhiễm môi sinh và đảo lộn sinh thái. Đây là vấn đề toàn cầu và đang được các giới thức giả ở mọi nước đặc biệt quan tâm. Theo báo cáo của một tổ chức quốc tế bảo vệ môi sinh công bố năm 1989 thì nhân loại chỉ còn 10 năm nữa để đảo ngược tình trạng tàn phá môi sinh toàn cầu hiện nay trước khi quá trễ. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng tàn phá môi sinh là các chất độc thải ra từ các nhà máy và xe cộ như khí các bô níc, các phân tử chì, mưa axít.

Hậu quả thứ hai của nền công nghiệp tư bản là tình trạng bất quân bình trong phát triển kinh tế xã hội, bất quân bình giữa người nghèo và người giàu, giữa các giá trị đạo đức tinh thần với tiên bộ khoa học kỹ thuật, giữa hạnh phúc ổn định gia đình với tiện nghi vật chất, giữa chi phí quân sự với tài trợ phát triển các nước nghèo. Tình trạng phát triển chênh lệch này là nguyên nhân sâu xa dẫn tới bạo loạn, bất ổn định toàn cầu, và tới tệ nạn xã hội tại các nước giàu như ma túy, loạn luân, maphia, SIDA.

Hậu quả thứ ba của nền công nghiệp tư bản là tình trạng máy móc, phi nhân hóa đời sống con người. Chủ nghĩa duy lợi, thực dụng đang thắng thế ở khắp mọi nơi. Nó vừa là động lực, vừa là hậu quả của sự phát triển công nghiệp tư bản. Nó cũng là nguyên nhân chính của tình trạng ô nhiễm môi sinh gây ra bởi sự phát triển công nghiệp vô trách nhiệm, chỉ nhắm tới lợi gần mà quên tác hại xa. Nó dẫn tới một nếp sống quay cuồng hời hợt, duy vật, duy lý, duy lợi thiếu rung cảm tình người và tình yêu thiên nhiên một cách tự nhiên sâu sắc và bền vững. Tình trạng suy thoái đạo đức và tinh thần này đã làm nở ra một phong trào nhân văn mới ở Âu-Mỹ đòi hỏi nhân bản hóa khoa học kỹ thuật và đời sống xã hội, ngăn chặn nguy cơ loài vật hóa con người.

Các hậu quả kể trên, phát sinh từ giai đoạn ấu trĩ của nền công nghiệp tư bản, đang đe dọa làm suy thoái nhân chủng và văn hóa nhân loại. Các nước công nghiệp đang tích cực điều chỉnh các tác hại này. Nếu chúng ta biết tránh các sai lầm đó đồng thời vận dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại nhất chắc chắn chúng ta sẽ rút ngắn được con đường phát triển đất nước.

Nhìn lại con đường phát triển cộng sản thế giới và Việt Nam chúng ta cũng rút ra được một số bài học bổ ích.

Bài học đầu tiên liên quan đến vai trò lịch sử tất yếu của chủ nghĩa Mác và phong trào cộng sản quốc tế trong thời kỳ hậu bán thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Có hai diễn biến của chủ nghĩa tư bản quốc tế khiến cho sự xuất hiện và phát triển cộng sản là tất yếu và cần thiết. Trước hết là sự phát triển ồ ạt, đầy bệnh thái của nền công nghiệp tư bản tại Âu Châu cho tới đầu thế kỷ XX. Sự phát triển bệnh thái ấy đã dẫn tới cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1930 và tới các trận thế chiến I và II. Sau nữa là sự phát triển của chủ nghĩa thực dân và đế quốc gắn liền với sự phát triển chủ nghĩa tư bản. Hai hình thức phát triển trên đây của chủ nghĩa tư bản đã giúp những người cộng sản tạo được phong trào cộng sản quốc tế như là một đối lực cần thiết, vừa để thúc đẩy tư bản tự điều chỉnh, vừa tạo điều kiện cho sự phát triển quân bình hơn của thế giới. Đó chính là vai trò lịch sử của cộng sản quốc tế.

Bài học thứ nhất này có hai ý nghĩa cụ thể.

1. Cần làm cho bóc lột, bất công và nghèo đói, lạc hậu không còn là căn bệnh trầm kha của xã hội nữa.

2. Khi các căn bệnh xã hội đó không còn trầm trọng nữa, khi tư bản đã tự điều chỉnh được những sai lầm của nó, và khi thế giới đã chuyển sang đa cực cùng tồn tại thì vai trò lịch sử của cộng sản trên thế giới cũng như tại mỗi nước sẽ không còn nữa. Đó phải chăng chính là ý nghĩa sâu xa nhất của những diễn biến như vũ bão đang xảy ra và tiếp tục xảy ra cho phong trào cộng sản khắp nơi trên thế giới.

Bài học thứ hai của phong trào cộng sản là không một học thuyết chính trị, một hệ thống xã hội nào có thể tồn tại và phát triển lâu dài nếu nó không phản ánh trung thực được thực tại xã hội và lịch sử, và nếu nó không thực hiện đúng những lý tưởng mà nó rao giảng. Lý luận Mác-xít Lê-nin-nít và phong trào cộng sản đã thành công trong việc đấu tranh giành chính quyền, nhưng nó đã thất bại trong việc xây dựng cái xã hội lý tưởng cộng sản mà trong đó đời sống người dân lẽ ra phải được tự do và dân chủ và hạnh phúc hơn, và trong đó cuộc thống trị của một giai cấp này trên một giai cấp khác lẽ ra phải bị tiêu vong.

Phải chăng vì chủ nghĩa Mác chỉ thích hợp trong một xã hội rối loạn và bất ổn định? Phải chăng vì sự quan của Mác đã sai lầm từ căn bản? Trong khi Mác cho rằng cộng sản là giai đoạn phát triển tất yếu và phải nổ ra ngay trong lòng của xã hội tư bản thì lịch sử nhân loại từ lúc Tuyên Ngôn Cộng Sản ra đời tới nay gần 150 năm đã không phát triển như Mác dự liệu.

Chưa một nước tư bản nào lên cộng sản trong khi chính nước tư bản đã biến thể, còn các đảng cộng sản ở các nước tư bản ngày càng suy yếu dù được hoạt động hoàn toàn tự do. Còn các nước trở thành cộng sản lại không phải qua con đường phát triển tư bản. Nước cộng sản đầu tiên là Liên Xô năm 1917 còn là một nước công nghiệp lạc hậu. Nước thứ hai là Mông Cổ tiến từ du mục lên cộng sản. Các nước Đông Âu thành cộng sản bằng sức mạnh của Hồng quân Nga. Còn các nước cựu thuộc địa thành cộng sản nhờ phong trào giải phóng dân tộc. Như thế, trở trêu thay, chính sự thành công của cộng sản lại minh chứng cho sự sai lầm của sự quan Mác. Từ sau cách mạng tháng mười Nga, cách mạng vô sản nổ ra không phải như là một diễn biến nội tại tất nhiên của xã hội tư bản đã chín muồi mà như là kết quả của bạo lực quân đội và Hồng quân Nga hay của phong trào yêu nước.

Khi hai điều kiện trên không còn nữa trong một thế giới đã đổi mới thì tất nhiên phong trào cộng sản cũng không còn môi trường tồn

tại và phát triển nữa. Nếu sử quan như vậy đã không phản ánh đúng diễn biến lịch sử thì những quan điểm kinh tế chính trị Mác-xít còn có cơ sở gì để đứng vững nữa?

Câu hỏi trên dẫn chúng ta tới bài học thứ ba. Phải chăng đã đến lúc chúng ta cần duyệt lại toàn bộ học thuyết của Mác? Phải chăng đã đến lúc chúng ta không thể nhắm mắt tiếp tục nghe theo những luận điểm của các nước đàn anh về chủ nghĩa Mác- Lê nữa?

Trước hết vì chính Liên Xô đang tự từ bỏ vai trò trung tâm cộng sản quốc tế để cùng Mỹ thiết lập một thế giới đa cực mới. Sau nữa vì chính Liên Xô và Trung quốc cùng các nước cộng sản khác đang hoặc rất lúng túng trong việc tự điều chỉnh, hoặc dứt khoát chọn con đường phát triển phi Mác-xít. Bản thân chủ nghĩa Mác đã bị tu chính nhiều lần bởi chính các lãnh tụ cộng sản quốc tế và cả những nhà lý luận cộng sản Âu-Mỹ. Phải chăng phi Mác-xít-hoá là con đường phát triển tất yếu của phong trào cộng sản quốc tế và riêng của các đảng cộng sản mỗi nước?

Việc chứng minh và phê phán những sai lầm của chủ nghĩa Mác hiện nay hình như không còn cần thiết nữa vì chính những diễn biến thực tế đã làm cho chúng ta điều đó. Ở đây chúng tôi thấy chỉ cần nêu ra một vấn đề căn bản đề gợi ý cho việc đi tìm một đường lối mới. Đó là vấn đề con người.

Không một nhà tư tưởng lớn nào lại không dựa trên những quan điểm căn bản về con người và xã hội trong khi đề ra học thuyết kinh tế chính trị. Điều này đặc biệt đúng với Mác vì ông là một nhà nhân bản trong mục tiêu lý tưởng cũng như trong động cơ tư duy. Nhưng tại sao ngày nay ông Gorbachev lại phải đặt mục tiêu xây dựng một chủ nghĩa xã hội *nhân bản*? Và tại sao ông ta phải tuyên bố “Không một hệ thống chính trị nào không vì con người mà có thể tồn tại”? Tại sao các nhà lý luận Mác-xít Việt Nam hiện nay đang phải đặt ra vấn đề con người và chiến lược con người? Phải chăng vì tới nay người ta đã hiểu sai Mác và biến nó thành một lý luận không có con người như các nhà lý luận này đang cố tìm cách biện minh cho Mác hay biện minh cho chính họ? Ai Mác-xít chân chính hơn ai? Hay thực chất lại là chính Mác đã quan niệm sai lầm và thiếu sót về con người và xã hội loài người? Làm sao có thể dung hợp được con người giai cấp

“tầng 1” và con người chung “tầng 2”²? Chẳng lẽ chúng ta lại có thể dễ dàng chấp nhận rằng con người xuyên suốt chung lại chỉ ở tầng 2 và chỉ tồn tại trong thời nguyên thủy và trong tuổi ấu thơ? Dù có chấp nhận quan niệm đầy khiên cưỡng về con người hai tầng đó thì chắc chắn là chúng ta đều phải đặt trọng tâm vào việc phát huy con người xuyên suốt chứ không thể vào con người giai cấp tương đối tạm thời tùy thuộc vào giai đoạn lịch sử và phương tiện sản xuất.

Mà nếu thế thì các câu hỏi kế tiếp sẽ là: con người xuyên suốt đó là gì? Và biện chứng pháp duy vật, duy vật sử quan, cùng các quan điểm kinh tế chính trị và các phương thức cách mạng và kiến thiết Mác-xít Lê-nin-nít phải chăng chỉ phát huy con người giai cấp chứ không phát triển được con người chung xuyên suốt?

Thực ra không thể thấy được con người chung xuyên suốt thời gian và không gian, xuyên suốt các khác biệt chủng tộc, văn hóa, kinh tế, xã hội, bằng quan điểm duy vật. Nói như thế không có nghĩa là quay trở lại quan điểm duy tâm thần quyền. Phương pháp luận nhị nguyên đối kháng không chấp nhận tương tác là di ám của nền triết học Tây phương. Nó vừa là phương pháp phản biện chứng, vừa không phản ảnh được thực tại đời sống con người luôn tròn đầy và sinh động.

Sự vật vừa là nó vừa không là nó, vừa tồn tại vừa biến đổi, vừa là vật chất vừa là không vật chất cùng một lúc. Tư tưởng cổ truyền Đông phương đã nói rõ điều đó. Vật lý học siêu hạt ngày nay cũng đang thấy rõ điều đó. Tinh thần và vật chất là hai mặt của một thực tại. Hai mặt đó luôn hỗ tương tác động và hỗ tương quyết định trong dòng sống không ngừng tiến hóa của loài người. Có lúc vật quyết định tâm, có lúc tâm quyết định vật, tùy giai đoạn và điều kiện phát triển của con người. Điều này đúng với mỗi cá nhân cũng như với tập thể xã hội và nhân loại. Sự thật ấy đã được các ngành học mới về nhân văn và xã hội khám phá ra và vận dụng. Mỗi chúng ta đều có thể nhận thấy được sự thật ấy bằng chính cuộc sống hàng ngày của bản thân chúng ta.

Thế giới ngày nay đang đi vào kỷ nguyên hòa hợp, hòa hợp giữa hai hệ thống tư bản và cộng sản, hòa hợp giữa hai lối tư duy duy tâm

² Ông Trần Đức Thảo đưa ra lý luận về con người hai tầng này trong các bài viết xuất bản sau năm 1975.

và duy vật. Nền tảng vững chắc cho sự hòa hợp phải là một lối tư duy mới về con người và xã hội loài người.

Kể từ 1950 trở đi một phong trào nhân bản mới đã nổ ra ở các nước tư bản công nghiệp. Hiện nay người ta cũng đang đặt ra vấn đề nhân bản tại các nước cộng sản. Hai phong trào này đều là một, đều có những thao thức và đòi hỏi chung phát xuất từ sự bùng nổ kiến thức và thông tin toàn cầu, vừa từ sự phản tỉnh đối kháng lại tính phi nhân của cả hai hệ thống xã hội. Phản kháng lại nền tư bản máy móc duy lợi, duy thực dụng, đang đe dọa làm suy thoái và hủy diệt nhân chủng. Phản kháng lại nền chuyên chính vô sản muốn nuôi người và trị người như ong kiến và như sắt muối trong phòng thí nghiệm. Phản kháng lại mọi hình thái bá quyền, bạo quyền, độc quyền, bạo loạn, đòi thiết lập một cộng đồng quốc tế chân chính của tất cả mọi dân tộc. Phong trào nhân bản mới này đã thúc đẩy mạnh mẽ mọi ngành khoa học tập trung nỗ lực vào việc khám phá và vận dụng những hiểu biết mới về loài người và về con đường phát triển đặc thù của loài người, vấn đề nhân đạo.

Trong những năm gần đây hầu như không có năm nào không có các hội nghị quốc tế thảo luận về các vấn đề nhân loại và nhân đạo. Người ta không còn hài lòng với lối giải thích thô thiển của Mác và Darwin về sự ra đời của loài người và về sự phát triển của xã hội. Người ta tất nhiên đã bác bỏ từ lâu quan điểm của duy tâm thần quyền. Những khám phá mới của các ngành khoa học xã hội và khoa học nhân văn đang cung cấp cho nhân loại những viên gạch nền tảng cho một lối tư duy nhân bản mới, đáp ứng được thời kỳ ổn định và phát triển sắp tới.

Dân tộc ta, hơn dân tộc nào khác, phải nhạy bén trong vấn đề tư duy nhân bản toàn cầu mới này vì vị trí giao lưu quốc tế của nước ta. Thời kỳ Đại Việt 1000 cha ông ta cũng đã phải giao hội được các luồng tư tưởng Đông phương mới mở ra được thời kỳ hưng thịnh Lý-Trần. Ngày nay dân tộc ta cũng đang đứng trước thách thức văn hóa mới trên qui mô toàn cầu cả Đông lẫn Tây, kim lẫn cổ. Sáng tạo một nền văn hóa tổng hợp mới do đó là một bắt buộc của lịch sử Việt thời đại 2000 để làm cơ sở vững chắc cho sự thống nhất ý chí và lực lượng của toàn dân.

Đó chính là khát vọng sâu thẳm của toàn bộ cuộc vận động cách mạng dân tộc trong hơn 100 năm nay dưới mọi hình thái khác nhau.

Đó cũng là mong cầu và cố gắng của tất cả các nhà cách mạng Việt Nam từ Phan Bội Châu đến Nguyễn Thái Học, tới Hồ Chí Minh, Huỳnh Phú Sổ, Trương Tử Anh, Lý Đông A và nhiều người khác nữa. Và đó cũng chính là nguyên nhân của tình trạng chia rẽ lực lượng dân tộc. Tư tưởng và học thuyết tất nhiên không có biên giới. Nhưng sự lựa chọn một tư tưởng học thuật ngoại lai không phê phán và đả lọc, lại áp đặt tư tưởng đó cho dân chúng bằng bạo lực, bằng độc quyền, gây ra một cuộc tương tàn ý hệ thì đó không chỉ là một sai lầm mà còn là một tai họa.

Tinh hoa tư tưởng và tiến bộ khoa học kỹ thuật của thế giới phải được đả lọc cho hòa hợp với bản sắc và đặc thù Việt Nam để trở thành một vũ khí tinh thần làm nền tảng cho đường lối và chính sách xây dựng đất nước. Không có một sáng tạo văn hóa như thế thì mọi đường lối và chính sách sẽ chỉ mang tính chất vụn vặt lâm thời hoặc theo đuôi và cóp nhặt. Công việc lớn lao đó là trách nhiệm của mọi tầng lớp thức giả. Ở đây chúng tôi chỉ mạo muội đóng góp một vài ý sơ khởi.

Ý kiến thứ nhất là phải triệt tiêu mọi mầm mống của bạo quyền và bạo loạn. Không thể có bất cứ một sáng tạo tư tưởng nào nếu không có tự do và dân chủ để mở đường cho nhân tài xuất hiện. Phải phục hồi sinh khí và sinh lực của toàn dân. Phải tạo lại được tinh thần tích cực và chủ động của toàn dân vì đó là tác nhân quan trọng của phát triển và tiến bộ. Nhưng không thể phục hồi sinh lực, không thể có tự do dân chủ nếu còn có bạo quyền và bạo loạn. *Bạo quyền và bạo loạn là hai ký sinh trùng soi mòn thân thể và tinh thần èo uột của dân tộc ta.* Bạo quyền tất dẫn đến bạo loạn. Do đó chính quyền phải đi đầu trong việc từ bỏ bạo lực, phải nhanh chóng chấp nhận đối thoại với mọi khuynh hướng đối lập trong nước và ngoài nước. Những cuộc đối thoại này phải công khai, tự do và trong tình huynh đệ. Phải trả lại toàn dân quyền chọn lựa tối hậu. Không nhanh chóng và cương quyết mở rộng đối thoại tự do dân chủ thì không thể ngăn chặn được bạo loạn và nghèo nàn lạc hậu. Đồng thời các nhóm đối lập trong nước và ngoài nước phải đưa ra được những giải pháp cụ thể và hữu hiệu hơn trong tinh thần trách nhiệm chung, không thể chỉ phê phán và đả kích chung chung, đồng thời kiên trì tìm mọi cách làm cho tiếng nói của mình tới tai mọi người dân, vượt qua mọi ngăn trở, đàn áp, đe dọa và kềm cả bắt bớ. *Đảm lược, kiên trì, sáng kiến và các thủ đoạn dân vận là vũ khí sắc bén nhất chống lại bạo lực.*

Ý kiến thứ hai là mọi người Việt hiểu biết và quan tâm tới vận mệnh đất nước, dù cộng sản hay không cộng sản, đều phải nhanh chóng trang bị cho mình và giúp trang bị cho người chung quanh *nhận thức mới về thế giới và nhân loại*. Sự phát triển khoa học kỹ thuật, đặc biệt trong ngành truyền thông toàn cầu, đã tạo điều kiện cho sự ra đời một cộng đồng quốc tế và một đời sống nhân loại ổn định và tiến bộ. Trong bối cảnh đó chúng ta cần đặc biệt quan tâm tới những cơ sở nền tảng cho một cộng đồng quốc tế và một đời sống nhân loại. Một cộng đồng và một đời sống toàn cầu như thế không thể ra đời dưới sự bảo trợ và khuynh loát của bất cứ một trung tâm quyền lực hoặc một tập đoàn quyền lực quốc tế nào. Các cuộc đối thoại Đông-Tây, Bắc-Nam hiện nay, việc hình thành các tổ chức vùng, các vận động cải tổ các tổ chức quốc tế như LHQ, UNESCO, đều là những chuẩn bị cần thiết. Nhưng một cộng đồng quốc tế không thể không xây dựng trên nền móng của một nền văn hóa nhân loại, mà nền văn hóa toàn nhân loại không thể không đặt cơ sở trên những nhận thức và giá trị cương thường toàn loài người. Nền cương thường nhân bản ấy vượt trên mọi khác biệt chủng tộc, văn hóa, lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, kinh tế, phản ánh trung thực, toàn diện và bền vững được những bản chất và đặc thù của loài người. Đó phải là nền tảng của một nền công pháp quốc tế và bang giao thế giới hữu hiệu để xây dựng một cộng đồng nhân loại chân chính.

Ý kiến thứ ba liên quan đến mô hình xây dựng đất nước. Hiện có ba mô hình chính đang tồn tại trên thế giới. Mô hình công nghiệp hóa tư bản đã trải qua giai đoạn điều chỉnh trưởng thành và đang bước vào giai đoạn hậu công nghiệp. Mô hình xã hội chủ nghĩa cộng sản đang phải tự điều chỉnh mạnh mẽ. Cả hai mô hình này có thể đang từ hai hướng khác nhau tiến vào một đại lộ chung là nền kinh tế tư bản xã hội hóa và toàn cầu hóa. Trong khi đó một số nước nhỏ đã sớm đạt được những tiến bộ vượt bậc trong một thời gian ngắn nhờ vừa vận dụng được nền khoa học kỹ thuật hiện đại lại vừa nhanh chóng hoà nhập được vào nền kinh tế tài chính và thị trường toàn cầu.

Rút kinh nghiệm từ ba mô hình trên mô hình xây dựng nước ta, theo thiên ý, cần có được hai tính chất vừa đa dạng sinh động, vừa điều hợp thống nhất, nói cách khác, vừa đa nguyên, vừa nhất nguyên. Đa nguyên để phát huy hết mọi tiềm năng trí tuệ của mọi tầng lớp dân chúng, mọi ngành hoạt động và mọi đoàn thể xã hội, mọi miền đất nước. Đa nguyên là môi trường phát triển dân chủ tự do, và là điều

kiện không thể thiếu để cho xã hội luôn sinh động và tiến hóa. Nhưng đa nguyên cần được điều hợp chung quanh một trục trung tâm, một định hướng chung cho khối phân tán sức mạnh. Nhất nguyên chính là định hướng chung, là sự đồng tâm nhất trí toàn xã hội. Nhưng nhất nguyên không thể đạt được bằng áp đặt và bạo lực, mà phải được hình thành một cách tự nhiên, từ quá trình sinh hoạt và làm việc chung trong xã hội.

Chính sinh hoạt đa nguyên, không độc quyền và áp chế tự động đưa đến nhu cầu điều hòa và thống nhất để tránh rối loạn và tan rã. Nhất nguyên thể hiện nhu cầu hợp lý hóa tổ chức và sinh hoạt xã hội cho đạt hiệu năng cao nhất. Đa nguyên phát huy nhiệt tình và năng lực của toàn xã hội. Nhất nguyên được xây dựng trên cơ sở pháp chế hóa hai tính chất thống nhất tự nhiên của xã hội Việt Nam là tính chất Việt và tính chất Nhân loại.

Một người Việt Nam vừa là Việt vừa là Người trong tương quan thống nhất giữa dân tộc và nhân loại, quốc gia và quốc tế. Xã hội phải được phát triển sao cho mọi người sống trên đất nước Việt Nam đều được bình đẳng trên cả cơ hội, nghĩa vụ và quyền lợi, nhất là bình đẳng trên cơ hội: cơ hội đào luyện cá nhân, cơ hội tận dụng những năng lực và cơ hội tận hưởng thành quả lao động. Mọi người phải được cùng sống và cùng tiến theo nguyên tắc “có cơ hội đó, hãy làm việc đi để được hưởng quyền lợi”. Đó là tính nhất nguyên của xã hội.

Và để thực hiện được định hướng xã hội chung này cần phải đa nguyên hóa sinh hoạt và tổ chức xã hội để mọi cá nhân, mọi giới, mọi miền đất nước được có cơ hội phát triển. Nhất nguyên và đa nguyên, do đó, là hai mặt của một mô hình tổ chức và sinh hoạt xã hội.

Để có thể thực hiện được mô hình xã hội vừa đa dạng vừa tập trung đó chúng tôi thấy cần đưa ra 4 luận điểm sau đây để gợi ý thảo luận.

1. Xã hội và con người là một tổng thể gồm *ba nhân tố là nhân chủng, ý thức và kinh tế*. Ba nhân tố này luôn luôn tác động và quyết định lẫn nhau trong quá trình hình thành và phát triển con người và xã hội. Không thể thiên lệch về một trong ba nhân tố này mà hiểu đúng được nhân loại và nhân đạo. Trong quá trình hỗ trợ của ba nhân tố này ý thức vừa là tác nhân vừa là thành quả. Cái biết của con người phát triển trong quá trình sống chung trong xã hội và với thiên nhiên, đồng thời cái biết lại không ngừng mở đường tiến hóa cho xã hội và

cá nhân. Nhờ quá trình tương tác không ngừng này mỗi người phát huy khả năng chủ động vừa tự điều chỉnh vừa tác động vào xã hội và thiên nhiên. Đó là khác biệt căn bản giữa con người với động vật và tự nhiên. Do đó, tôn trọng và phát huy khả năng tự chủ của mỗi người dân phải là tư tưởng chỉ đạo đồng thời là nỗ lực tập trung của cả ba lãnh vực xã hội là kinh tế, văn hóa giáo dục và hôn nhân gia đình. Đồng thời mỗi người dân nhờ phát huy khả năng tự chủ khi hoạt động trong các lãnh vực đó sẽ có thể luôn tương tác và tự động điều chỉnh lẫn nhau để giữ cho xã hội được phát triển hài hòa. Ở đó mới có dân chủ và tự do chân chính.

2. Muốn phát huy được tiềm năng đa dạng của mọi người dân cần phải phối hợp được hoạt động của bốn thành phần xã hội là giới chính trị, giới thức giả, giới hoạt động kinh doanh, văn hóa, xã hội và thường dân. Giới chính trị đóng vai trò điều phối mọi sinh hoạt và tổ chức đa dạng, đa phương của xã hội thông qua luật lệ và các cơ chế chính quyền dân chủ pháp trị. Giới thức giả, văn hóa, văn nghệ, trí thức vừa điều chỉnh vừa thúc đẩy các sinh hoạt xã hội qua các chương trình nghiên cứu, giảng dạy sáng tác và sáng kiến. Giới hoạt động kinh doanh, xã hội, vừa phát huy năng lực chuyên môn vừa quan tâm phối hợp với các lãnh vực khác. Thường dân vừa trực tiếp tác động tới xã hội qua sự làm việc thường ngày vừa quyết định tối hậu tổ chức và điều hành xã hội qua chủ quyền công dân của họ.

Các nước tiên tiến đã xây dựng được mô hình điều hợp này. Đối với các nước đang phát triển nước nào vận dụng thành công được mô hình này sẽ phát triển nhanh và sớm hơn các nước khác vì mô hình khơi mở mọi tiềm năng vô tận của toàn dân trong một thời gian ngắn nhất với sức mạnh tập trung nhất, do đó tạo được bước tiến nhảy vọt trong cả hai lãnh vực tinh thần và vật chất của xã hội.

3. Mô hình phát triển cần phát huy hết mọi tiềm năng của mọi vùng đất nước, từ nông thôn đến thành thị, từ miền núi đến đồng bằng và miền duyên hải. Nên chia toàn quốc thành nhiều vùng phát triển theo địa lý kinh tế và sắc thái văn hóa xã hội, mỗi vùng này được dành quyền tự trị trong việc phát triển tiềm năng nhân lực và thiên nhiên.

Chính phủ trung ương và các tổ chức kinh doanh và chuyên môn toàn quốc đóng vai trò hỗ trợ và điều phối liên vùng và toàn quốc cũng như quốc gia và quốc tế. Mô hình này sẽ tránh được tình trạng

tập trung nhân lực, tài vật lực vào một số vùng, một số thành phố lớn, tạo ra tẻ trạng đô thị hóa làm băng hoại nông thôn và miền núi đem đến bất bình đẳng xã hội và ô nhiễm môi sinh, đảo lộn sinh thái. Với phương tiện truyền thông và vận tải hiện đại vấn đề này có thể thực hiện được. Người ta có thể đưa nền công nghiệp tới mọi miền đất nước, vừa gần nguồn nhiên liệu, vừa tỏa đều khoa học kỹ thuật tới những miền chưa phát triển. Những hình thức thị trấn nắm hay thành thị nông thôn tại các vùng trung du, cao nguyên, duyên hải và đồng bằng cần được tập trung phát triển để thu hút dân chúng về các vùng đó.

Cho tới nay người ta đã nói nhiều tới tình trạng băng não từ nước nhỏ tới các nước giàu. Muốn chấm dứt tình trạng này phải ngăn chặn ngay tình trạng *băng não nội địa* từ nông thôn lên thành thị. Bằng mô hình phân vùng và tỏa rộng phát triển chúng ta sẽ thực hiện được điều đó để tạo được cơ hội phát triển hết và đồng đều mọi vùng đất nước.

4. Đất nước ta chỉ phát triển được trong mối tương quan cùng có lợi, cùng sống và cùng tiến với các nước trong vùng Đông Nam Á và với toàn thế giới. Điều này cần thiết trong cả ba lãnh vực kinh tế, văn hóa và nhân chủng, và trong viễn cảnh của một cộng đồng nhân loại toàn cầu. Trên văn hoá, tự do truyền thông và trao đổi văn hóa, nghiên cứu học thuật và khoa học kỹ thuật với thế giới là điều kiện bắt buộc để phát triển và tiến bộ. Trên kinh tế thương mại, sự ra đời một nền kinh tế tài chính khu vực và quốc tế vừa là một thách thức vừa là một cơ may cho nước ta. Cần phải nhanh chóng thay đổi những quan điểm lỗi thời đóng cũi trên kinh tế chính trị phát sinh từ mặc cảm và thiên kiến để nhanh chóng vận dụng được sức mạnh khoa học kỹ thuật và tài chính thương mại của thế giới. Trên nhân chủng, tình yêu, hôn nhân và gia đình cũng đang vượt qua những biên giới của chủng tộc và phong hoá. Một nhân loại mới đang ra đời, thống nhất lại trên cả nhân chủng lẫn phong hóa và trên qui mô toàn cầu.

Một mô hình phát triển đất nước trong thời đại 2000 không thể bỏ qua các chiều hướng diễn biến của kinh tế, văn hóa và nhân chủng trong khu vực và trên thế giới như thế. Thực tế này đặt ra cho chúng ta một số nhu cầu cấp bách, trong đó chúng tôi thấy có hai khu vực trước mắt:

1. Thiết lập được mối tương quan tích cực và xây dựng giữa trong nước và cộng đồng người Việt hải ngoại để vận dụng được nguồn nhân vật lực khá dồi dào này vào việc xây dựng đất nước.

2. Xây dựng được quan hệ toàn diện và thông lưu giữa nước ta với khu vực Đông Nam Á và thế giới. Gia nhập khối ASEAN và thị trường khu vực Nam Thái Bình Dương và thế giới là điều cần làm cấp bách.

Chưa làm tốt công việc trên một cách nhanh chóng và tích cực thì chưa thể mở cửa ra được với thế giới và thời đại.

Xây dựng một đường lối mới cho đất nước là một công việc lớn lao. Nó bao trùm từ những luận điểm triết học trong cơ bản nhận thức và lý luận về con người và xã hội, tới những nhận định về chiều hướng phát triển thế giới và nhân loại trên mọi lãnh vực, và sau cùng, tới các phương án vận dụng sáng tạo vào việc xây dựng cụ thể nước ta.

Công việc lớn lao và khó khăn này đòi hỏi sự tập trung trí tuệ và tâm huyết của mọi người Việt yêu nước. Trên đây chúng tôi chỉ mạo muội đưa ra một vài đóng góp gợi ý. Chúng tôi cho rằng đường lối mới của nước ta trong giai đoạn sắp tới phải mang tính *toàn dân và thời đại*, cả từ nhận thức sơ khởi tới thảo luận đúc kết và thực hiện cụ thể. *Toàn dân trong phương thức công khai, dân chủ và rộng khắp. Thời đại trong nội dung, đường hướng, viễn kiến và thực tiễn.* Một công cuộc lớn lao như thế không thể thực hiện được nếu không có không khí sinh hoạt xã hội tự do và dân chủ. Do đó, công cuộc xây dựng đất nước phải khởi đầu bằng một cuộc vận động cho dân chủ với sự tham gia tích cực của toàn dân. Đó chính là nội dung những đề nghị hành động cụ thể của chúng tôi trong phần sau cùng dưới đây.

Phần IV

Toàn Dân Vận Động Cho Dân Chủ

Thưa các bạn,

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, đất nước ta cần một đường lối mới để thoát ra khỏi cảnh bế tắc cùng cực hiện nay. Hai mục tiêu cụ thể của đường lối mới này là xây dựng dân chủ và phát triển kinh tế, trong đó xây dựng dân chủ phải là mục tiêu trọng tâm vì tự do dân chủ là điều kiện tiên quyết cho phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Không có tự do dân chủ thì không phát huy hết được tiềm năng và trí tuệ, tài lực và sức lực của mọi tầng lớp dân chúng. Không có tự do dân chủ thì không thể mở cửa ra thế giới để vận dụng sức mạnh khoa học kỹ thuật và kinh tế thương mại quốc tế. Không có tự do dân chủ thì kinh tế phát triển chậm và dù có phát triển cũng chỉ phục vụ quyền lợi của một thiểu số lũng đoạn, đầu cơ, đặc quyền đặc lợi, không đem lại phần vinh hạnh phúc cho đa số dân chúng. Do đó tự do dân chủ phải là mục tiêu chính trị trước mắt của mọi người Việt yêu nước hiện nay.

Nền tự do dân chủ mà chúng ta muốn xây dựng phải mang tính toàn dân. *Dân chủ toàn dân* là một nền dân chủ không xây dựng trên những cơ sở phân biệt tôn giáo, địa phương, chức phận hay giai cấp. Dân chủ toàn dân cũng bác bỏ mọi hình thức đầu thầu chính trị, tức bác bỏ nền dân chủ hình thức do một thiểu số các nhóm chính trị cơ hội tranh quyền muốn làm dân chủ thay cho quốc dân.

Khẩu hiệu của chúng ta phải là “vận mệnh đất nước nằm trong tay toàn dân” và “quyền lực phải trả về cho toàn dân”. Nhưng đường lối đó sẽ chỉ là không tưởng nếu chúng ta chỉ dừng lại ở những khẩu hiệu. *Dân chủ toàn dân chỉ có được bằng sự tham gia tích cực, toàn diện của mọi tầng lớp dân chúng, mọi giai tầng xã hội.*

Một trong những nguyên nhân của tình trạng trì trệ, nghèo nàn, lạc hậu và độc đoán chính trị hiện nay chính là sự thờ ơ tiêu cực và co thủ lại của đa số nhân dân. Tình trạng này là một trở ngại lớn nhất cho sự phát triển đất nước, nhưng tình trạng ấy cũng chính lại là một hình thức tự vệ của nhân dân chống lại chính quyền độc đoán hiện nay. Do đó muốn thoát khỏi tình trạng đó phải nhanh chóng tác động để thay đổi đường lối và cơ chế độc đoán, độc tài đảng trị hiện tại.

Nhưng kinh nghiệm ở các nước xã hội chủ nghĩa khác cho thấy cuộc vận động thay đổi chính trị chỉ thực sự đem lại dân chủ tự do chân chính nếu có sự tham gia tích cực của toàn dân. Nếu dân chúng vẫn tiếp tục thờ ơ, tiêu cực và chờ đợi thì dù, vì áp lực của tình thế, chúng ta có thể có được bầu cử tự do và một nền chính trị đa đảng, đó

vẫn chỉ là một nền dân chủ hình thức đảng tranh. Người dân sẽ tiếp tục là con cờ cho các cuộc tranh quyền tranh lợi của một thiểu số chính trị gia, và dân chủ sẽ chỉ là những nấc thang danh vọng và quyền lợi của họ. Chúng ta không thể chấp nhận sự chà đạp đầy sỉ nhục như thế lên đời sống lao động cần cù đầy sáng kiến và bình dị trong sáng của hơn 60 triệu người dân.

Hơn thế nữa, sự thức tỉnh của quốc dân sau khi đã tôi luyện sau bao đau khổ trong suốt nửa thế kỷ qua đã đủ cho quốc dân Việt xứng đáng được hưởng một nền dân chủ chân chính. Vì những lý do trên chúng ta phải phát động một phong trào toàn dân vận động cho dân chủ. Tất nhiên, để cho một phong trào toàn dân như thế ra đời được, cần có những bước đi tiên khởi. Một trong những bước khởi đầu đó là gây mầm mống cho phong trào tại mọi nơi, mọi tầng lớp xã hội, mọi sinh hoạt của đoàn thể quần chúng, mọi tôn giáo và mọi lứa tuổi. Cuốn băng này được thực hiện chính để đáp ứng nhu cầu tiên khởi đó. Những ý kiến đưa ra dưới đây đúc kết kinh nghiệm của những phong trào đấu tranh mới đây tại các nước xã hội chủ nghĩa.

Điều nổi bật trong các cuộc vận động dân chủ này là phong trào quần chúng, một quần chúng đã đứng lên, đặt quyền lợi của Tổ quốc họ lên trên chủ nghĩa Mác và chính quyền cộng sản. Chúng tôi cho rằng cuộc vận động cho dân chủ ở nước ta cũng phải mang tính quần chúng như thế. Không một nhóm đơn lẻ nào có thể áp đặt được các quan điểm chính trị, kinh tế lên đại đa số nhân dân. Cũng không thể có một hành động đơn độc rời rạc nào mà lại thành công. Mục tiêu chung của tất cả các nhóm đang âm thầm hoạt động phải là phát động cho được một phong trào toàn dân thảo luận chính trị tự do và công khai bằng phong trào toàn dân vận động cho dân chủ.

Trong đường hướng đó chúng tôi xin đóng góp một số ý kiến sau đây về các hoạt động cụ thể của mọi tầng lớp xã hội trong giai đoạn từ 1990 cho tới khi đạt được một nền dân chủ và tự do chân chính. Các đề nghị sau đây được soạn thảo dựa trên một nguyên tắc của dân chủ chân chính, đó là dân chủ thực sự và toàn dân, khởi đi ngay từ những hoạt động thường ngày nhưng tích cực và đầy tinh thần xã hội của mỗi người dân.

A. Tổng quát về cuộc vận động cho dân chủ: Trước hết nói về mục tiêu của cuộc vận động. Cuộc vận động của chúng ta nhằm đạt chín mục tiêu cụ thể sau đây:

1. Hoạt động tự do và độc lập khỏi đảng của các tổ chức và sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, truyền thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản.

2. Tự do giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trả giáo dục và nhà trường về cho giới giảng dạy, nghiên cứu giáo dục và sinh viên, học sinh.

3. Tự do tôn giáo. Các giáo hội được độc lập với đảng cộng sản và với mọi hoạt động chính trị.

4. Kinh tế tư nhân hóa, thị trường hoá và quốc tế hóa.

5. Tách đảng cộng sản ra khỏi chính quyền và các tổ chức và sinh hoạt kinh tế, văn hóa, xã hội.

6. Tự do lập hội, tự do hội họp, tự do thảo luận chính trị.

7. Xây dựng một hệ thống pháp luật bằng một cơ chế tư pháp độc lập, vô tư, tôn trọng nhân quyền và dân quyền.

8. Soạn thảo và ban hành một bản Hiến Pháp mới, thật sự tự do và dân chủ.

9. Bầu cử tự do, bước khởi đầu thành lập Quốc Hội Lập Hiến, sau đó Quốc Hội bổ nhiệm một chính phủ dân chủ.

B. Đề nghị:

Sau đây là phần thứ hai, đề nghị tiến hành cuộc vận động qua 3 giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn phát động và giai đoạn kết thúc.

Giai Đoạn chuẩn bị trong năm 1990.

Phát triển các hoạt động và tổ chức độc lập, công khai và hợp pháp trong lãnh vực phi chính trị như văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, sinh hoạt thanh thiếu niên, kinh tế, thương mại...

Tích cực tham gia và phát biểu ý kiến tại các buổi sinh hoạt thời sự công khai, hợp pháp do các nhà văn hóa hay các câu lạc bộ tổ chức.

Thành lập các nhóm hạt nhân bí mật cho phong trào vận động dân chủ tại các trường học, xí nghiệp, tôn giáo, trong các tổ chức quần

chúng, các hội đoàn và cơ sở văn hóa, qui tụ các thành phần năng động, nhiều sáng kiến, có kỹ thuật, có tổ chức và vận động quần chúng.

Trong suốt giai đoạn chuẩn bị này tránh dính líu vào các biến động thời cuộc, vào các phong trào và tổ chức đấu tranh giả hoặc các tranh dành quyền lực trong nội bộ đảng cộng sản, đồng thời tẩy chay và vạch trần các biện pháp giả cởi mở, giả dân chủ, giả hoà hợp.

Giai Đoạn phát động: Thực hiện từ cuối năm 1990 hoặc đầu năm 1991 trở đi. Có thể sớm hơn nếu tình thế chuyển biến. Đề nghị các bạn chú ý những điểm sau đây:

1. Phát động phong trào toàn dân vận động cho dân chủ bằng mọi phương thức và kỹ thuật thích hợp và thuận tiện nhất đối với mỗi nhóm, mỗi địa phương, mỗi giới. Lúc đầu hãy để phong trào xuất hiện tự phát. Nơi nào, nhóm nào thấy làm được cần làm ngay. Các nơi khác, nhóm khác cần tiếp tay ủng hộ ngay. Làm sao mọi nơi mọi nhóm đều nhanh chóng đẩy lên đấu tranh bằng mọi phương thức hoà bình, bất bạo động. Ban điều hợp phong trào sẽ ra đời từ chính trong phong trào tự phát này trong một hay nhiều cuộc họp công khai cấp vùng hay toàn quốc sau khi phong trào đã được đẩy lên khắp nơi.

2. Đưa ra công khai 9 mục tiêu của phong trào. Tổ chức các cơ quan truyền thông riêng của các nhóm phát động phong trào, tiến đến một cơ quan truyền thông toàn quốc như báo, truyền đơn, sách, truyền thanh...

3. Đòi công nhận phong trào như một lực lượng chính trị độc lập hợp pháp; đòi đảng cộng sản chấp nhận đối thoại với phong trào và các tổ chức đối lập khác để tìm lối thoát cho đất nước.

Giai Đoạn kết thúc: Từ sau khi đảng cộng sản thực sự công nhận và đối thoại với các phong trào chính trị đối lập tới khi có bầu và có hiến pháp dân chủ mới, xin đề nghị những điểm chính sau đây:

1. Nhiệm vụ của phong trào được coi là hoàn tất khi có hiến pháp mới và có bầu cử tự do dân chủ. Phong trào có tiếp tục hay không hoàn toàn do đại đa số thành viên của phong trào quyết định.

2. Trong giai đoạn kết thúc này phong trào cần đưa được các sáng kiến và đề nghị cụ thể, xây dựng, liên quan tới chế độ chính trị, cơ chế chính quyền, nội dung hiến pháp mới và tới việc tổ chức bầu cử tự do. Mọi ý kiến đều phải đảm bảo cho sự ra đời một chế độ thực sự tự do

và dân chủ. Đoàn thể và cá nhân chính trị gia nào ra lãnh đạo quốc dân phải do đa số quốc dân quyết định.

3. Phong trào cần hoạt động trong cả ba giai đoạn như một tập hợp những nhóm có chung một mục tiêu chứ không phải như một đảng phái chính trị chặt chẽ. Do đó, mọi ý kiến dù trái ngược nhau nhưng nhắm cùng một mục tiêu xây dựng dân chủ chân chính, toàn dân đều phải được tự do phát biểu và phổ biến rộng rãi để mọi người, mọi nơi thảo luận và chọn lựa Phong trào không đưa ra một mô hình hoặc lý thuyết dân chủ riêng biệt nào mà chỉ nhằm tạo điều kiện tự do và dân chủ cho các lý thuyết và mô hình ấy ra đời như là những gợi ý để quốc dân thảo luận và quyết định tối hậu.

Trên đây là những điểm tổng quát cho cuộc vận động dân chủ. Sau đây chúng tôi xin đề nghị các hoạt động cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị năm 1990. Các hoạt động trong các giai đoạn sau sẽ do chính các thành viên của phong trào tự sáng kiến ra.

A. Đối với các cán bộ và đảng viên cộng sản, đề nghị các hoạt động sau đây:

1. Thường xuyên theo dõi tin tức diễn biến thế giới và trong nước từ nhiều nguồn khác nhau để nắm bắt khách quan và đầy đủ tình hình;

2. Trao đổi, thảo luận và đặt các vấn đề về thời sự một cách trung thực, khách quan trong nội bộ đảng, kể cả các vấn đề liên quan tới sinh mệnh của đảng, đòi dân chủ thật sự cho sinh hoạt đảng.

3. Quyết tâm chọn lựa dân chủ tự do, chọn lựa những người lãnh đạo đảng có tài đức và cấp tiến, phản đối mọi kiểu bầu cử tiền chế.

4. Thảo luận và trao đổi công khai dân chủ với những người ngoài đảng về mọi vấn đề liên quan tới tình hình đất nước, tạo điều kiện cho các cuộc trao đổi và thảo luận này, quần chúng hoá sinh hoạt chính trị, văn hóa, xã hội.

B. Đối với trí thức và nhà giáo, đề nghị các vận động sau đây:

1. Phát huy không khí nghiên cứu và học tập, thảo luận tự do khách quan và công khai, chỉ vì sự thật và tôn trọng sự thật.

2. Tạo mọi điều kiện và cơ hội mở rộng kiến thức và nhận thức cho sinh viên, học sinh, mở rộng các lớp học tập hướng dẫn nghiên cứu, thực tập, tư nhân, tại gia hay tại trường, tiến đến các trung tâm và

trường tự thực độc lập, tự quản của giáo sư, sinh viên, học sinh thuộc mọi ngành, mọi cấp, đặc biệt chú trọng các ngành thực dụng.

3. Khuyến khích và tham gia cùng sinh viên, học sinh, thanh niên trong những hoạt động văn hóa, xã hội, cứu tế, tham quan, sinh hoạt ngoài trời, du lịch...

4. Thành lập các nhóm nghiên cứu, học thuật chuyên môn độc lập, tự quản tại gia. Phổ biến rộng rãi và vận dụng cụ thể các kết quả nghiên cứu vào mọi tổ chức và mọi ngành hoạt động xã hội.

5. Mở rộng liên lạc công khai với các tổ chức và các cá nhân nghiên cứu học thuật các trường đại học, các tổ chức văn hóa giáo dục thế giới; mở rộng giao lưu với các nhóm nghiên cứu học thuật người Việt hải ngoại.

C. Đối với giới văn nghệ sĩ, đề nghị các hoạt động sau đây:

1. Nhà báo: viết trung thực, khách quan, không tô hồng, không bôi đen; vận dụng mọi hình thức thông tin phi chính phủ để đưa tin tức, bình luận trung thực tới quần chúng; đòi hỏi một đạo luật báo chí thực sự tự do dân chủ; đòi hỏi có những tờ báo độc lập tự thân.

2. Nhà văn: viết theo rung động thực của trái tim trước oan khuất của quần chúng; tranh đấu cho tác phẩm được phổ biến và cho tự do xuất bản, tự do văn nghệ; tranh đấu cho một hội văn nghệ độc lập không chịu sự chi phối của đảng; hãy là tiếng nói của lương tri dân tộc.

3. Nghệ sĩ tự do sáng tác và trình diễn, không chịu bất cứ một sự chi phối nào.

4. Đòi hỏi thành lập các nhà xuất bản độc tự thân; đòi hỏi tự do truyền thông, tự do lưu hành mọi ấn phẩm và báo chí thế giới.

D. Đối với giới sinh viên học sinh, đề nghị các hoạt động sau đây:

1. Tự động tổ chức 5 loại hình sinh hoạt ngoại khóa: nghiên cứu sáng tạo; thể dục thể thao, văn nghệ báo chí, sinh hoạt dã ngoại và cứu tế xã hội. Từ các nhóm tự phát nhỏ mở rộng ra toàn trường, toàn thành phố, quận, huyện.

2. Tích cực tham gia các buổi sinh hoạt thời sự tại các lớp, các giảng đường, các câu lạc bộ, các nhà văn hóa và các nơi công cộng;

đòi hỏi thảo luận và đối thoại tự do trong trường và các nơi công cộng.

3. Đòi hỏi tự do hội họp và thảo luận trong khuôn viên trường về mọi vấn đề mà sinh viên quan tâm; thành lập các câu lạc bộ và các nhóm sinh hoạt sinh viên độc lập tự quản.

4. Đòi hỏi bầu cử tự do trong khuôn viên đại học để thành lập ban đại diện qua tự do ứng cử và phổ thông đầu phiếu.

E. Đối với các nhà doanh thương, đề nghị các hoạt động sau đây:

1. Yêu cầu tháo gỡ các trở ngại cơ chế và pháp chế để mở đường cho kinh doanh tự chủ; bán cổ phần và trái phiếu để mở rộng sự tham gia của xã hội vào quốc doanh; mở rộng mọi hình thức hợp doanh và liên doanh với trong, ngoài nước.

2. Tự doanh: tự mở lối kinh doanh độc lập và có hiệu quả, đòi hỏi bảo đảm kinh doanh trong hiến pháp và các bộ luật thương mại, lao động; liên kết kinh doanh với các dịch vụ văn hóa, giáo dục, cứu tế xã hội để tạo thế mạnh chung.

3. Việt kiều: trung gian giữa quốc tế và quốc nội, giữa người Việt trong nước và hải ngoại, tác động gián tiếp và trực tiếp vào tiến trình thay đổi văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội trong nước.

F. Đối với giới lao động, đề nghị các phần sau đây:

F1. Công nhân:

1. Tự tổ chức hay yêu cầu tổ chức công đoàn; tổ chức hoặc tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa, giáo dục có sẵn với hai mục tiêu: nâng cao hiểu biết và kỹ năng chuyên môn, và bảo vệ quyền lợi của người lao động.

2. Đòi hỏi đổi mới công đoàn, ứng cử và bầu cử tự do những người đại diện cho công nhân, thật sự là tổ chức bảo vệ quyền lợi công nhân.

3. Liên kết với các nhà văn, nhà báo, trí thức, sinh viên: thăm viếng, hội thảo, tương trợ, sinh hoạt tập thể, giải trí.

F2. Nông dân, ngư dân:

1. Vận động tự thành lập các hợp tác xã độc lập hỗ trợ cho nông nghiệp như hợp tác xã tiêu thụ nông hải sản, hợp tác xã nông cơ cụ,

giống, phân bón, hợp tác xã tín dụng nông thôn, các xí nghiệp nông nghiệp, ngư nghiệp, chế biến nông hải sản, do nông ngư dân tự thành lập và điều hành như thuê chuyên viên, góp cổ phần, thuê các nhà kinh doanh...

2. Chủ động cải thiện đời sống, cải thiện kỹ thuật nông nghiệp, cơ giới hóa, chuyên môn hóa; chủ động tách lao động thừa ra làm các dịch vụ phục vụ nông nghiệp ngư nghiệp.

3. Tương lai tiến tới thành lập hiệp hội nông ngư dân độc lập của chính nông ngư dân.

F3. Đối với các thành phần lao động khác, đề nghị các phần sau đây:

1. Liên kết theo khu vực ngành nghề để có tiếng nói chung, đối thoại công khai thẳng thắn với chính quyền địa phương mỗi khi gặp khó khăn, trở ngại.

2. Liên kết với các nhà kinh doanh lớn hơn để thành những hệ thống chuyên doanh toàn quốc.

G. Đối với quân nhân và cựu quân nhân đề nghị các phần sau đây:

1. Đòi chuyên nghiệp hóa quân đội, thành lập quân đội tự nguyện chuyên nghiệp, đòi chuyển nghĩa vụ quân đội thành nghĩa vụ dân sự như học nghề và phục vụ xã hội thời hạn 2 năm, chuyên tham gia các công tác cứu tế xã hội, xây dựng và phát cộng đồng, y tế, giáo dục, xã hội.

2. Các cựu quân nhân: yêu cầu cho phép thành lập hội cựu quân nhân để bảo vệ quyền lợi, hỗ trợ nhau góp phần xây dựng hòa bình; trao đổi với các hội cựu quân nhân thế giới.

3. Quân nhân tại chức ủng hộ các đòi hỏi của các cựu quân nhân, ủng hộ việc giảm bớt lực lượng vũ trang và yêu cầu chuyển nghĩa vụ quân sự thành nghĩa vụ dân sự, đề nghị thành lập đoàn thanh niên phục vụ xã hội thay thế cho đội quân nghĩa vụ; ủng hộ các đòi hỏi tự do dân chủ của nhân dân.

H. Đối với các vị tu sĩ tôn giáo đề nghị những hoạt động sau đây:

1. Đòi hỏi một giáo hội độc lập khỏi mọi chi phối của đảng cộng sản và chính quyền.

2. Đòi hỏi tự do tổ chức các sinh hoạt tôn giáo, tự động tổ chức các sinh hoạt này trong khuôn viên nhà thờ, đình, chùa, xứ đạo, tại nhà tín đồ.

3. Tự do truyền đạo và đào tạo tu sĩ không chịu sự kiểm soát của đảng và nhà nước cộng sản.

4. Chủ động tổ chức và bảo trợ các hoạt động văn hóa, giáo dục và công tác xã hội, hỗ trợ các đòi hỏi tự do dân chủ của dân chúng, đi đầu trong việc vận động hoà bình, hợp tác bất bạo động vì tự do dân chủ.

Thưa các bạn,

Trên đây các bạn vừa nghe chúng tôi trình bày đại lược một số ý kiến về tình hình trong nước và thế giới để các bạn cùng tham khảo. Tình hình thế giới đang biến chuyển dồn dập, tình thế trong nước lại đang bế tắc cùng cực. Tình thế đó đang đòi hỏi một khai thông nhanh chóng và căn bản. Thời gian không chờ đợi chúng ta. Lịch sử đang thôi thúc chúng ta. Toàn dân đang trông đợi một cử động lớn lao và quyết liệt. Đây chính là lúc mà tất cả những ai quan tâm tới vận mệnh đất nước cần phải đứng lên hành động.

Hỡi tất cả những người Việt yêu nước trong cũng như ngoài đảng cộng sản, hãy đoàn kết lại cùng đứng lên tranh đòi lấy tự do dân chủ để mở đường thoát cho dân tộc. Chúng ta tin chắc rằng toàn dân vì tự do dân chủ, tự do dân chủ tất thắng, toàn dân tất thắng.

Nước Việt, mùa Xuân 1990.

Ghi chú: Tài liệu trên đây được biên soạn, đánh máy và lưu hành nội bộ hạn chế vào giữa năm 1989, với tựa đề Toàn Dân Vận Động Cho Dân Chủ, trước khi được thu băng và lưu hành rộng rãi ở trong nước. Cuốn băng này đã được bí mật chuyển ra hải ngoại. Một số thân hữu ở hải ngoại ghi lại và ấn hành với tựa đề “Thư Quốc Nội” (*), tuy đã cố gắng theo đúng nguyên văn cuốn băng nhưng cũng có nhiều chỗ không chính xác, có thể vì chất lượng kém của cuốn băng được sang lại nhiều lần. Tác giả đã ghi và hiệu đính lại theo đúng nguyên văn được đọc trong cuốn băng hiện được một số thân hữu lưu giữ ở hải ngoại. Nhân dịp này tác giả xin đặc biệt cảm ơn một

người bạn đã trao lại cuốn băng này cho tác giả. Riêng người đọc trong cuốn băng này hiện cũng đã định cư ở Mỹ.

Cuốn băng, hiện được lưu giữ, cùng với tài liệu được in lại trong cuốn sách này như một chứng tích và như một kinh nghiệm cần được rút tía của một giai đoạn đấu tranh đã qua ở trong nước, trong cuộc vận động chính trị hiện còn tiếp diễn.

(*) Thư Quốc Nội, Tạp Chí Người Dân, không đề năm phát hành, 32 trang.

“Thư Quốc Nội”, Thơ Hoàng Hạc, Tâm Tinh Của Đoàn Viết Hoạt, CA: Phong Trào Nhân Quyền Cho Việt Nam Năm 2000, 3.1995, tr. 53-105.

“Thư Quốc Nội”, Đoàn Viết Hoạt Và Nhóm Diễn Đàn Tự Do. The Case of Freedom Forum. CA: Trăm Hoa, 1993, tr. 15-58.